TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

KHOA KIẾN TRÚC

THUYẾT MINH

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP NIÊN KHÓA 2021– 2026

TÊN ĐỀ TÀI

TRUNG TÂM VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG VÙNG CAO A LƯỚI

- THỪA THIÊN HUẾ-

Giáo viên hướng dẫn **THS. KTS. Trương Phan Thiên An**

Sinh viên thực hiện **Võ Thị Tí**

Lớp **21KT2**

Mã số sinh viên **121210112**

Đà Nẵng, Tháng 6/2025

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
KHOA KIẾN TRÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Họ tên sinh viên: **Võ Thị Tí** Số thẻ sinh viên: 121210112

Lớp: 21KT2 Khoa: Kiến trúc Ngành: Kiến trúc

1. *Tên đề tài đồ án:*

Trung tâm văn hóa cộng đồng dân tộc vùng cao A Lưới – Thừa Thiên Huế

2. *Đề tài thuộc diện:* ☐ *Có ký kết thỏa thuận sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện*

3. *Các số liệu và dữ liệu ban đầu:*

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất thành phố Huế từ năm 2026 đến 2030
- Các thông tin có liên quan đến khu vực thiết kế đồ án (dân cư, khí hậu, v.v.)
- Các tiêu chuẩn thiết kế có liên quan đến đề tài
- Các tài liệu công trình tham khảo

4. Nội dung các phần:

- Phần Kiến trúc (hoặc Quy hoạch) chiếm tỷ trọng (tối đa 80%): *Kiến trúc 60% + Quy hoạch 20%*

- Phần Kỹ thuật (hoặc trang trí) chiếm tỷ trọng (tối đa 20%): *Kỹ thuật 10% + Trang trí 10%*

- Các nội dung chi tiết:

- Thông tin quy hoạch về khu đất xây dựng công trình
- Nhiệm vụ thiết kế chi tiết
- Ý tưởng thiết kế (bao gồm ý tưởng chung và ý tưởng hình khối)
- Giải pháp thiết kế (tổng mặt bằng, mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, kết cấu, tổ chức giao thông, tổ chức thoát hiểm, hệ thống kỹ thuật…)
- Đưa ra ý tưởng ban đầu cho công trịnh: phương án chọn và phương án so sánh.
- Giải pháp thiết kế (bao gồm giải pháp quy hoạch tổng mặt bằng, giải pháp tổ chức không gian, giải pháp thiết kế mặt đứng, mặt bằng, giải pháp trang trí nội thất, giải pháp kỹ thuật công trình)
- Giải pháp trang trí nội thất và ngoại thất
- Giải pháp kỹ thuật công trình

5. *Các bản vẽ, đồ thị (ghi rõ các loại và kích thước bản vẽ):*

- Số lượng bản vẽ bắt buộc: Tối thiểu **12** bản vẽ khổ A0 khổ ngang rời, có đầy đủ khung tên, chữ ký của GVHD; kèm theo thuyết minh có bản vẽ khổ A2 thu nhỏ từ bản A0 (A2 xếp gọn thành A3).

- Bản vẽ quy hoạch và hiện trạng khu đất
- Bản vẽ xây dựng đề tài và ý tưởng thiết kế
- Bản vẽ mặt bằng tổng thể (TL: 1/200 – 1/1000)
- Bản vẽ mặt bằng các tầng (TL: 1/100 – 1/500)
- Bản vẽ các mặt đứng (TL: 1/100 – 1/500)
- Bản vẽ các mặt cắt (TL: 1/100 – 1/500)
- Bản vẽ cấu tạo chi tiết (TL: 1/5 – 1/50)
- Bản vẽ phối cảnh, tiểu cảnh, các chi tiết khác

Thuyết minh: Tối thiểu 30 trang không tính phụ lục

6. Họ tên người hướng dẫn:	*Phần/ Nội dung:*
Ths. KTS Trương Phan Thiên An	Hoàn thiện các bản vẽ

7. *Ngày giao nhiệm vụ đồ án:* 23/03/2026
8. *Ngày hoàn thành đồ án:* 11/06/2026

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Trưởng Bộ môn Kiến trúc

Người hướng dẫn

Trương Phan Thiên An

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
KHOA KIẾN TRÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KIỂM SOÁT TIẾN ĐỘ LÀM ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

(Phiếu dành cho người hướng dẫn/sinh viên)

Họ tên sinh viên: Võ Thị Tí Số thẻ SV: 121210112

Tên đề tài ĐATN: Trung tâm văn hóa cộng đồng vùng cao A Lưới

Họ tên người HD: ThS. KTS Trương Phan Thiên An Đơn vị: Khoa Kiến trúc

Tuần	Ngày	Khối lượng		GVHD ký tên
		đã thực hiện (%)	tiếp tục thực hiện (%)	
1	10/03	Nhận nhiệm vụ đồ án		
2	17/03	Xác định hướng nghiên cứu đề tài, khu vực nghiên cứu.		
3	24/03	Phân tích khu đất, hiện trạng Nhiệm vụ thiết kế		
4	31/03	Sơ bộ ý tưởng mặt bằng, hình khối		
5	14/04	Ý tưởng tổng mặt bằng Phân khu chức năng + giao thông		
6	17/04	Ý tưởng mặt bằng, hình khối, phân khu chức năng		
7	20/04	Duyệt lần 1: Đánh giá khối lượng hoàn thành **50** % : Được tiếp tục làm ĐATN ☑ Không tiếp tục thực hiện ĐATN ☐		
8	24/04	Triển khai chi tiết mặt bằng tổng thể		
9	28/04	Mặt bằng chi tiết các tầng		
10	05/05	Mặt bằng chi tiết, Mặt đứng, 3D		
11	12/05	Mặt bằng chi tiết, Mặt đứng, 3D		
12	19/05	Mặt bằng chi tiết, Mặt đứng, Mặt cắt, 3D		
13	22/05	Mặt bằng chi tiết, Mặt đứng, Mặt cắt, 3D		
14	25/05	Duyệt lần 2: Đánh giá khối lượng hoàn thành **90** % : Được tiếp tục làm ĐATN ☑ Không tiếp tục thực hiện ĐATN ☐		
15	07/06	Tổng quan đồ án. dàn trang		

Thầy cô cho điểm cụ thể từng mục con.
KHÔNG chỉ cho điểm cuối cùng

Mẫu dùng cho người phản biện

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
KHOA KIẾN TRÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬN XÉT PHẢN BIỆN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

I. Thông tin chung:

1. Họ và tên sinh viên: Võ Thị Tí
2. Lớp: 21KT2 Số thẻ SV: 121210112
3. Tên đề tài: Trung tâm văn hóa cộng đồng vùng cao A Lưới
4. Người phản biện: Phan Ánh Nguyên Học hàm/ học vị: Thạc sĩ

II. Nhận xét, đánh giá đồ án tốt nghiệp:

TT	Các tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	**Sinh viên có phương pháp nghiên cứu phù hợp, giải quyết đủ nhiệm vụ đồ án được giao**	**80**	**66**
1a	- Tính mới (nội dung chính của ĐATN có những phần mới so với các ĐATN trước đây). - Đề tài có giá trị khoa học, công nghệ; có thể ứng dụng thực tiễn.	15	13
1b	- Kỹ năng giải quyết vấn đề; hiểu, vận dụng được kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành trong vấn đề nghiên cứu. - Chất lượng nội dung ĐATN (thuyết minh, bản vẽ, chương trình, mô hình,…).	50	40
1c	- Có kỹ năng vận dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong vấn đề nghiên cứu; - Có kỹ năng đọc, hiểu tài liệu bằng tiếng nước ngoài ứng dụng trong vấn đề nghiên cứu;	15	13
2	**Kỹ năng viết:**	**20**	**15**
2a	- Bố cục hợp lý, lập luận rõ ràng, chặt chẽ, lời văn súc tích	15	12
2b	- Thuyết minh đồ án không có lỗi chính tả, in ấn, định dạng	5	3
3	**Tổng điểm đánh giá theo thang 100:**		**81**
	Quy về thang 10 (lấy đến 1 số lẻ)		8.1

- Các tồn tại, thiếu sót cần bổ sung, chỉnh sửa:

  + Nhiệm vụ thiết kế chi tiết cần đưa ra đầy đủ thông tin về quy mô công trình, các không gian chức năng cần thiết, số người sử dụng, chỉ tiêu diện tích, diện tích của từng không gian chức năng chi tiết…

  + Mặt bằng tổng thể chưa thể hiện các khối công trình chính của đồ án. Bản vẽ mặt bằng tỷ lệ nhỏ. Sảnh chính tiếp cận khối công trình chưa được làm rõ và thiết kế.

  + Mặt cắt công trình tỷ lệ nhỏ, thiếu các thông tin kỹ thuật cơ bản (tỷ lệ, trục định vị, chiều cao tầng).

  + Đồ án còn hạn chế về các giải pháp kỹ thuật và kết cấu.

- Câu hỏi đề nghị sinh viên trả lời trong buổi bảo vệ:

1 + Trình bày quy mô và cấp công trình của đồ án?

2 + Hệ mái được đặt như thế nào lên hệ cột hay tường ở tầng 4 khối hành chính – trưng bày?

- Đề nghị: ☒ Được bảo vệ đồ án ☐ Bổ sung để bảo vệ ☐ Không được bảo vệ

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 6 năm 2026

Người phản biện

Phan Ánh Nguyên

Thầy cô cho điểm cụ thể từng mục con,
KHÔNG chỉ cho điểm cuối cùng

I.20

Mẫu dùng cho người hướng dẫn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
KHOA KIẾN TRÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬN XÉT ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

I. Thông tin chung:

1. Họ và tên sinh viên: **VÕ THỊ TÍ**

2. Lớp: 21KT2 Số thẻ SV: 121210112

3. Tên đề tài: TRUNG TÂM VĂN HOÁ CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC VÙNG CAO A LƯỚI – THỪA THIÊN HUẾ

4. Người hướng dẫn: **ThS. Trương Phan Thiên An** Học hàm/ học vị: Thạc sĩ

II. Nhận xét, đánh giá đồ án tốt nghiệp:

1. Về tính cấp thiết, tính mới, khả năng ứng dụng của đề tài: (điểm tối đa là 2đ, điểm đánh giá của thầy cô là: 2đ)

   A Lưới là địa bàn sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số với bản sắc văn hoá phong phú nhưng đang đứng trước nguy cơ mai một do quá trình đô thị hoá. Việc xây dựng trung tâm văn hoá cộng đồng nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, đồng thời tạo ra không gian sinh hoạt, giao lưu, giáo dục và quảng bá văn hoá địa phương là nhu cầu thực tiễn và cấp thiết hiện nay.

2. Về kết quả giải quyết các nội dung nhiệm vụ yêu cầu của đồ án: (điểm tối đa là 4đ, điểm đánh giá của thầy cô là: 3,3đ)

   Sinh viên đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ thiết kế đặt ra. Đồ án thể hiện được quá trình nghiên cứu, phân tích hiện trạng và đề xuất giải pháp tổ chức không gian, công năng và hình thức kiến trúc được triển khai tương đối hợp lý, đáp ứng yêu cầu của một trung tâm văn hoá cộng đồng, đồng thời thể hiện được bản sắc đặc trưng của khu vực vùng cao A Lưới.

3. Về hình thức, cấu trúc, bố cục của đồ án tốt nghiệp: (điểm tối đa là 2đ, điểm đánh giá của thầy cô là: 2đ)

   Đồ án đảm bảo yêu cầu về hình thức trình bày, cấu trúc và bố cục của 1 đồ án tốt nghiệp. Sinh viên hoàn thành đồ án ở mức tốt, thể hiện sự nghiêm túc và khả năng vận dụng kiến thức vào đồ án này.

4. Đề tài có giá trị khoa học/ có bài báo/ giải quyết vấn đề đặt ra của doanh nghiệp hoặc nhà trường: (điểm tối đa là 1đ, điểm đánh giá của thầy cô là: 0,3đ)

   Đề tài có giá trị thực tiễn, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống của đồng bào dân tộc vùng cao A Lưới, đồng thời tạo không gian sinh hoạt cộng đồng và quảng bá bản sắc văn hoá địa phương.

5. Các tồn tại, thiếu sót cần bổ sung, chỉnh sửa:

   Không chỉnh sửa, bổ sung.

III. Tinh thần, thái độ làm việc của sinh viên: (điểm tối đa 1đ, điểm đánh giá của thầy cô là: 1đ)

Sinh viên có thái độ làm việc rất nghiêm túc, luôn tuân thủ và tham gia đầy đủ các buổi sửa bài cùng GVHD. Luôn nỗ lực và thể hiện khối lượng công việc đạt yêu cầu.

IV. Đánh giá:

1. Điểm đánh giá: **8,6**/10 (lấy đến 1 số lẻ thập phân)
2. Đề nghị: ☐ Được bảo vệ đồ án ☐ Bổ sung để bảo vệ ☐ Không được bảo vệ

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 6 năm 2026

Người hướng dẫn



Trương Phan Thiên An

LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên em xin cảm ơn sâu sắc tới tất cả thầy đã giảng dạy và dìu dắt tại trường Đại học Bách Khoa để em có thể có đầy đủ kiến thức và định hướng để thực hiện đồ án tốt nghiệp này.

Đặc biệt em xin bày tỏ lòng biết ơn đến thầy hướng dẫn chính của em là TS.KTS Trương Phan Thiên An, người đã trực tiếp hướng dẫn và đồng hành trong quá trình nhận và thực hiện đồ án. Thầy đã tận tình chỉ bào về phương pháp thực hiện mà còn hỗ trợ nhiều tài liệu, thông tin để giúp em hoàn thiện hơn đề tài của đồ án tốt nghiệp.

Sau một thời gian nỗ lực nghiên cứu và thể hiện ý tưởng, đến nay em đã hoàn thành đồ án tốt nghiệp của mình. Tuy nhiên, do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế, chắc chắn đồ án không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đánh giá và đóng góp của quý thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn !

LỜI CAM KẾT

Tôi, Võ Thị Tí, là sinh viên lớp 21KT2, khóa 2021, Khoa Kiến trúc, trường Đại học Bách khoa thuộc Đại học Đà Nẵng cam kết:

- Đã thực hiện đồ án tốt nghiệp có tên: **Trung tâm văn hóa cộng đồng vùng cao A Lưới, Thừa Thiên Huế** theo đúng nhiệm vụ thiết kế được giao;
- Đồ án là kết quả làm việc và sáng tạo của cá nhân tôi, không sao chép bất cứ sản phẩm nào đã có;
- Tôi cam kết không vi phạm quy định hiện hành về Liêm chính học thuật của trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng

Nếu những nội dung cam kết trên không đúng, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Khoa Kiến trúc và Nhà trường.

Đà Nẵng ngày 15 tháng 06 năm 2025

Sinh viên ký và ghi rõ họ tên

Võ Thị Tí

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN ii
LỜI CAM KẾT iii
MỤC LỤC 1
DANH MỤC BẢNG BIỂU 3
DANH MỤC HÌNH ẢNH 3
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT 6
CHƯƠNG 1: Mở đầu 7
1.1 Đặt vấn đề, lý do chọn đề tài 7
1.1.1 Tổng quan về đề tài 9
1.2.2 Thể loại công trình: Trung tâm văn hóa
1.1.3 Lý do lựa chọn đề tài
CHƯƠNG 2: CÁC CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI 10
2.1 Các tài liệu quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan 10
2.2 Các công trình và tài liệu tham khảo 10
2.3 Tổng quan về địa phương nghiên cứu (A lưới, TP Huế) 14
2.4 Các thông tin về khu đất xây dựng công trình (quy hoạch) 16
2.5 Phân tích khu đất (điểm mạnh, điểm yếu...) 19
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP THIẾT KẾ 20
3.1 Nhiệm vụ thiết kế chi tiết 20
3.2 Ý tưởng thiết kế 23
3.2.1 Ý tưởng chung 23
3.2.2 Ý tưởng hình khối 24

3.3 Giải pháp quy hoạch tổng mặt bằng.....25
3.4 Giải pháp tổ chức không gian, thiết kế mặt bằng.....28
3.5 Giải pháp thiết kế mặt đứng.....34
3.6 Giải pháp trang trí nội thất.....38
3.7 Giải pháp thiết kế cảnh quan
3.8 Giải pháp kỹ thuật công trình.....42
CHƯƠNG 4: Kết luận.....44
4.1 Các kết quả chính của đồ án.....44
4.2 Các điểm mạnh và điểm hạn chế của đồ án.....45
4.3 Đề xuất và kiến nghị.....45
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1:Bảng đánh giá điều kiện khu đất.....20

Bảng 2: Bảngcơ cấu sử dụng đất.....21

Bảng 3: Bảng nội dung trưng bày đề xuất.....21

Bảng 4: Bảng tỷ lệ diện tích các khối chức năng theo phương án quy hoạch tổng mặt bằng.....21

Bảng 5: Bảng tính toán số liệu khu sản xuất & hội họp.....22

Bảng 6: Bảng tính toán số liệu khu nhà gươl và tổng thể sân vườn.....22

Bảng 7: Bảng tính toán số liệu cơ cấu sử dụng đất.....22

Bảng 8: Bảng các bước hoàn thiện ý tưởng mặt bằng tổng thể.....26

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1:Những giá trị đang dần phai nhạt.....7

Hình 2:Bản sắc đại ngàn.....8

Hình 3:Quá trình hình thành và phát triển A Lưới.....9

Hình 4:Mục tiêu thiết kế.....11

Hình 5: Giá trị khu đát.....12

Hình 6: Sơ đồ và biểu đồ đánh giá điều kiện tự nhiên khu đất.....15

Hình 7:Nội dung nghiên cứu.....12

Hình 8: Nội dung trưng bày.....21

Hình 9:Đối tượng và không gian chức năng.....17

Hình 10: Chất cảm thiết kết.....18

Hình 11:Sơ đồ minh họa concept.....18

Hình 12:Ý niệm thiết kế.....23

Hình 13:Quá trình phát triển ý tưởng 24
Hình 14:Quá trình phát triển ý tưởng dựa trên mặt bằng..... 24
Hình 15:Phương án quyhoạch tổng mặt bằng..... 25
Hình 16:Phối cảnh không gian tổng thể..... 27
Hình 17:Mặt bằng tầng 1 28
Hình 18:Mặt bằng tầng 2 28
Hình 19:Mặt bằng tầng 3 29
Hình 20: Măt bằng tầng 4. 30
Hình 21:Sơ đồ tổ chức không gian 31
Hình 22:Phuương án thiết kế. 32
Hình 23:Không gian nội thất đón tiếp 33
Hình 24:Không gian nội thất dịch vụ..... 33
Hình 25:Không gian trưng bày 34
Hình 26:Không gian : Miền di sản” 35
Hình 27:Không gian cảnh quan 35
Hình 28:Sơ đồ bóc tách công trình 36
Hình 29:Chi tiết cấu tạo 37

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DTTS	Đồng bào dân tộc thiểu số

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU

1.1 Đặt vấn đề, lý do chọn đề tài

1.1.1 Tổng quan về đề tài

"Văn hóa là hồn cốt của dân tộc; văn hóa còn thì dân tộc còn."

- Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng-

Việt Nam là một quốc gia gồm 54 dân tộc anh em cùng chung sống. Mỗi dân tộc đều mang trong mình văn hóa tạo nên đất nước đầy bản sắc.

A Lưới là huyện miền núi phía Tây thành phố Huế, nằm trên dãy Trường Sơn, là nơi cư trú lâu đời của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số như Tà Ôi, Pa Cô, Cơ Tu, Pa Hy… Với điều kiện tự nhiên đặc trưng cùng quá trình lịch sử lâu dài, vùng đất này đã hình thành nên một kho tàng văn hóa phong phú và đa dạng, thể hiện qua lễ hội truyền thống, nghề dệt Zèng, nhạc cụ dân gian, kiến trúc bản địa, tri thức canh tác và đời sống tinh thần gắn bó mật thiết với núi rừng.

Bên cạnh giá trị văn hóa, A Lưới còn là vùng đất mang đậm dấu ấn lịch sử của dân tộc, ghi dấu nhiều sự kiện quan trọng trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Những giá trị văn hóa và lịch sử đó đã góp phần tạo nên bản sắc riêng của vùng cao A Lưới, đồng thời mở ra tiềm năng lớn trong phát triển du lịch văn hóa – sinh thái.

Trong bối cảnh hiện nay, nhu cầu về một không gian văn hóa mang tính tổng hợp, vừa phục vụ sinh hoạt cộng đồng, vừa bảo tồn và quảng bá các giá trị văn hóa địa phương ngày càng trở nên cần thiết. Việc nghiên cứu đề tài "Trung tâm Văn hóa Cộng đồng vùng cao A Lưới" hướng đến xây dựng một thiết chế văn hóa hiện đại nhưng vẫn kế thừa tinh thần bản địa, góp phần gìn giữ và lan tỏa bản sắc văn hóa của địa phương trong tiến trình phát triển mới.

1.1.1.1 *Đặt vấn đề*

Quá trình hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội đã mang đến nhiều cơ hội cho các địa phương miền núi, song cũng đặt ra không ít thách thức đối với việc bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống. Nhiều loại hình văn hóa phi vật thể đang dần mai một do sự thay đổi trong lối sống, khoảng cách thế hệ và sự thiếu hụt các không gian lưu giữ, truyền dạy và thực hành văn hóa.

Tại A Lưới, các hoạt động văn hóa cộng đồng hiện nay còn diễn ra phân tán, thiếu một không gian đủ quy mô và tính kết nối để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân, tổ chức lễ hội, trưng bày, giáo dục và quảng bá văn hóa địa phương. Đồng thời, những giá trị lịch sử gắn với vùng đất này cũng chưa được thể hiện đầy đủ thông qua các không gian tưởng niệm và trải nghiệm dành cho cộng đồng và du khách.



Hình 1: Những giá trị đang dần phai nhạt

Từ thực trạng đó, câu hỏi đặt ra là: Làm thế nào để kiến tạo một trung tâm văn hóa không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng đương đại mà còn trở thành nơi lưu giữ ký ức, bảo tồn bản sắc và khơi dậy niềm tự hào văn hóa của cộng đồng địa phương? Làm thế nào để kiến trúc có thể trở thành cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa con người với thiên nhiên và cội nguồn?

1.1.2 Thể loại công trình: Trung tâm văn hóa

Trung tâm văn hóa cộng đồng là thiết chế văn hóa công cộng nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, giao lưu, học tập và hưởng thụ văn hóa của người dân; đồng thời là nơi bảo tồn, trưng bày, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Thông qua các hoạt động cộng đồng, trải nghiệm văn hóa, giáo dục và tổ chức sự kiện, công trình góp phần tăng cường sự gắn kết xã hội, nuôi dưỡng bản sắc văn hóa và nâng cao đời sống tinh thần của cộng đồng.

1.1.3 Lý do lựa chọn đề tài

1.1.3.1 Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa vùng cao

Trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của các cộng đồng dân tộc thiểu số đang dần mai một. A Lưới sở hữu kho tàng văn hóa phong phú với nghề dệt Zèng, lễ hội dân gian, nhạc cụ truyền thống, tri thức bản địa và nếp sống gắn bó với núi rừng. Việc hình thành một không gian văn hóa mang tính tổng hợp là cần thiết nhằm bảo tồn, truyền dạy và lan tỏa những giá trị văn hóa đặc sắc ấy đến cộng đồng và các thế hệ tương lai.



Hình 2: Bản sắc Đại Ngàn

1.1.3.2 Đáp ứng nhu cầu thực tiễn và khai thác tiềm năng địa phương

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, A Lưới không chỉ là vùng đất cư trú lâu đời của các cộng đồng dân tộc thiểu số mà còn ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc. Từ những giá trị văn hóa bản địa được bồi đắp qua nhiều thế hệ, những năm tháng chiến tranh ác liệt trên tuyến Trường Sơn, đến giai đoạn tái thiết và hội nhập, A Lưới đang từng bước chuyển mình mạnh mẽ, hướng tới phát triển bền vững dựa trên nền tảng văn hóa và cảnh quan đặc sắc của địa phương.

Quá trình hình thành và phát triển vùng đất A Lưới qua các giai đoạn lịch sử

+ Thời kì hình thành cà cư trú lâu đời(trước TK XX):

- A Lưới là vùng cư trú lâu đời của các dân tộc Pa Cô, Tà Ôi, Cơ Tu và Pa Hy.
- Cộng đồng dân cư sinh sống dọc dãy Trường Sơn, gắn bó mật thiết với rừng, suối và điều kiện tự nhiên để phát triển sinh kế.

- Hình thành các làng bản truyền thống với nhà ở, không gian sinh hoạt cộng đồng và tín ngưỡng mang bản sắc riêng.
- Đời sống gắn với hoạt động canh tác nương rẫy, săn bắt, hái lượm và các lễ hội truyền thống.

+ Thời kì chiến tranh (1945-1975):

- A Lưới giữ vị trí chiến lược ở phía Tây Thừa Thiên Huế.
- Là khu vực quan trọng trên tuyến đường mòn Hồ Chí Minh.
- Chịu nhiều tác động bởi chiến tranh và bom đạn.
- Nhiều địa danh lịch sử gắn với các trận chiến lớn: Đồi A Bia (Hamburger Hill); Sân bay A So....

+ Thời kì tái thiết và xây dựng (1975-2000):

- Khôi phục sản xuất và đời sống sau chiến tranh.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, trạm y tế.
- -Tái định cư và ổn định dân cư vùng biên giới.
- Hình thành trung tâm hành chính huyện.

+ Thời kì phát triển và hội nhập (2000-2020):

- Hệ thống giao thông được cải thiện mạnh.
- Du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái bắt đầu phát triển.
- Nghề dệt Zèng được bảo tồn và quảng bá.
- Đầu tư nâng cấp đô thị trung tâm A Lưới.

+ Định hướng tương lai:

A Lưới hướng đến phát triển bền vững dựa trên:

- Văn hóa bản địa
- Du lịch sinh thái
- Kết nối địa phương và du khách
- Tăng cường kết nối với thành phố Huế và khu vực biên giới Việt – Lào.
- Bảo tồn các giá trị văn hóa Tà Ôi, Pa Cô, Pa Hy, Cơ Tu.



Hình 3: Quá trình hình thành và phát triển A Lưới

1.1.3.3 . Kiến tạo không gian kết nối ký ức và cộng đồng

Kiến trúc không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng mà còn có khả năng lưu giữ ký ức và tạo nên những trải nghiệm cảm xúc cho con người. Đối với A Lưới, bên cạnh các giá trị văn hóa truyền thống, vùng đất này còn chất chứa những ký ức lịch sử và tinh thần cộng đồng được hình thành qua nhiều thế hệ. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có một không gian đủ khả năng dung hòa giữa sinh hoạt cộng đồng, giáo dục văn hóa và tưởng niệm lịch sử.

Xuất phát từ mong muốn kiến tạo một nơi để con người gặp gỡ, chia sẻ và kết nối với cội nguồn, đề tài hướng đến việc xây dựng một trung tâm văn hóa không chỉ phục vụ các hoạt động thường nhật mà còn trở thành hành trình trải nghiệm giàu cảm xúc. Thông qua sự đan xen giữa không gian cộng đồng, không gian tưởng niệm và cảnh quan sinh thái, công trình góp phần nuôi dưỡng đời sống tinh thần, khơi dậy niềm tự hào về bản sắc địa phương và lan tỏa những giá trị tốt đẹp đến các thế hệ mai sau.

1.1.3.3 Tính cấp thiết của đề tài

Bên cạnh những biến đổi trong đời sống đương đại, nhiều không gian văn hóa truyền thống của đồng bào vùng cao A Lưới đang dần mất đi vị trí vốn có trong đời sống cộng đồng. Tiêu biểu là nhà Gươl – công trình kiến trúc mang tính biểu tượng, nơi diễn ra các hoạt động hội họp, lễ hội, truyền dạy tri thức và gắn kết các thành viên trong bản làng. Sự thay đổi trong điều kiện kinh tế, vật liệu xây dựng và lối sống đã khiến nhiều ngôi nhà truyền thống không còn được duy trì đúng chức năng ban đầu, thậm chí dần bị thay thế bởi các hình thức kiến trúc hiện đại.

Việc suy giảm những không gian sinh hoạt cộng đồng truyền thống không chỉ làm mất đi giá trị kiến trúc bản địa mà còn ảnh hưởng đến quá trình lưu truyền văn hóa, tập quán và ký ức cộng đồng. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc kiến tạo những không gian mới có khả năng kế thừa tinh thần của kiến trúc truyền thống, trở thành nơi gìn giữ, tiếp nối và lan tỏa bản sắc văn hóa của đồng bào vùng cao trong bối cảnh phát triển hiện nay.

1.2 Ý nghĩa đề tài

- CỘNG SINH: Hướng đến việc kiến tạo mối quan hệ hài hòa giữa con người, kiến trúc và thiên nhiên. Công trình không tách biệt khỏi bối cảnh mà trở thành một phần của hệ sinh thái bản địa, tôn trọng địa hình, thảm thực vật và đời sống cộng đồng địa phương; qua đó tạo nên môi trường sống bền vững và gắn kết.

- BẢN ĐỊA: Khai thác và chuyển tải tinh thần văn hóa A Lưới thông qua việc kế thừa các giá trị truyền thống về không gian, vật liệu, hình thái kiến trúc và tập quán sinh hoạt của đồng bào dân tộc vùng cao. Từ đó hình thành nên một ngôn ngữ kiến trúc đương đại nhưng vẫn mang đậm dấu ấn địa phương.

-TRÚ ẨN: Tạo dựng một không gian mang lại cảm giác được chở che, nghỉ ngơi và chữa lành về tinh thần. Công trình không chỉ là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa cộng đồng mà còn là nơi con người có thể lắng lại, chiêm nghiệm, kết nối với ký ức, với thiên nhiên và với chính cội nguồn của mình.



Hình 4. Mục tiêu thiết kế

CHƯƠNG 2: CÁC CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

2.1 Các tài liệu quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan

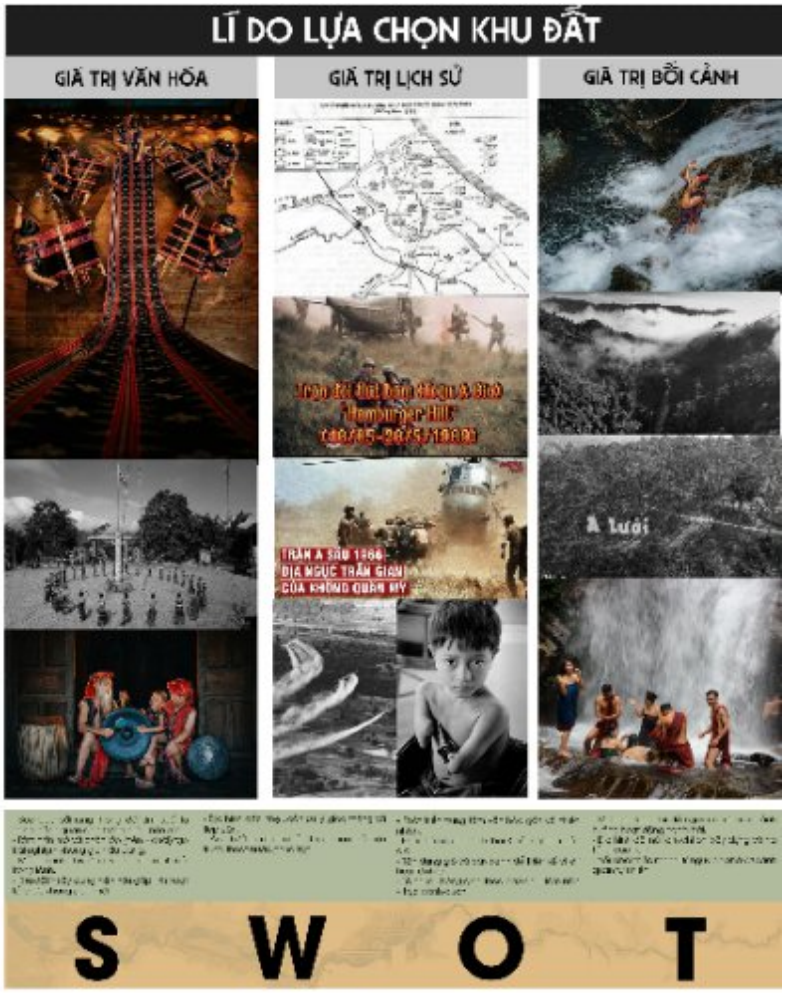
- Tiêu chuẩn TCVN 5687: 2010 về thông gió và điều hòa không khí.
- Tiêu chuẩn TCVN 4319:2012 về thiết kế nhà và công trình công cộng.
- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 276:2003 về công trình công cộng nguyên tắc cơ bản để thiết kế do Bộ Xây dựng ban hành.
- Tiêu chuẩn thiết kế hội trường 200-300 chỗ ngồi.

2.2 Các công trình và tài liệu tham khảo

- Trung tâm Văn hóa du lịch cộng đồng Tà Lang - Giàn Bí, Đà Nẵng.
- Làng Văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số A Lưới (tỉnh Thừa Thiên Huế)

- Kiến trúc nhà guol và phương pháp xây dựng bằng kích thước cơ thể của người Cơ tu- Nguyễn Ngọc Tùng, Hirohide Kobayashi , Võ Ngọc Đức –
- Kiến trúc nhà cộng đồng truyền thống dân tộc Cơ Tu trong bối cảnh đương đại - TCKTVN
- Trung tâm Văn hóa Jean-Marie Tjibaou (New Caledonia)

2.3 Tổng quan về địa phương nghiên cứu (A Lưới, TP Huế)



Hình 5 Giá trị cuả khu đất

-Vị trí địa lý: A Lưới là huyện miền núi nằm ở phía Tây thành phố Huế, thuộc khu vực dãy Trường Sơn. Huyện có diện tích tự nhiên khoảng 1.229 km², cách trung tâm thành phố Huế khoảng 70 km theo Quốc lộ 49.

A Lưới có vị trí tiếp giáp:

- Phía Bắc giáp huyện Phong Điền và huyện Đakrông (tỉnh Quảng Trị);
- Phía Nam giáp huyện Đông Giang và Tây Giang (thành phố Đà Nẵng);
- Phía Đông giáp huyện Nam Đông và thị xã Hương Trà;
- Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với đường biên giới dài khoảng 85 km.

Vị trí địa lý đặc thù đã tạo cho A Lưới vai trò là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa giữa vùng đồng bằng với khu vực miền núi phía Tây, đồng thời là nơi hội tụ nhiều giá trị văn hóa và lịch sử đặc sắc.

- Điều kiện tự nhiên:

a. Khí hậu

A Lưới mang đặc trưng khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng núi cao. Nhiệt độ trung bình năm dao động từ 22–24°C, thấp hơn khu vực đồng bằng Huế khoảng 2–3°C. Lượng mưa trung bình năm đạt khoảng 3.500–4.000 mm, tập trung chủ yếu từ tháng 9 đến tháng 12. Độ ẩm không khí cao, thường trên 85%.

Khí hậu mát mẻ, lượng mưa dồi dào cùng sự chênh lệch nhiệt độ theo mùa là những yếu tố cần được xem xét trong giải pháp tổ chức không gian, thông gió, thoát nước và lựa chọn vật liệu kiến trúc.

b. Địa hình

Địa hình A Lưới chủ yếu là đồi núi, thuộc hệ thống dãy Trường Sơn với độ cao trung bình từ 600–800 m so với mực nước biển. Xen kẽ giữa các dãy núi là các thung lũng và cánh đồng nhỏ, tạo nên cảnh quan đặc trưng của vùng cao.

Đặc điểm địa hình này tạo nên giá trị cảnh quan lớn nhưng cũng đặt ra yêu cầu về việc thích ứng với độ dốc, hạn chế san gạt địa hình và ưu tiên giải pháp kiến trúc cộng sinh với tự nhiên.

c. Thủy văn

Hệ thống sông suối trên địa bàn khá dày đặc, trong đó nổi bật là sông A Sáp, sông Bồ và nhiều khe suối nhỏ bắt nguồn từ dãy Trường Sơn. Nguồn nước dồi dào đóng vai trò quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của người dân và góp phần hình thành bản sắc cảnh quan địa phương.

2.4 Điều kiện kinh tế- xã hội

A Lưới là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số như Tà Ôi, Pa Cô, Cơ Tu và Pa Hy, tạo nên sự đa dạng về văn hóa và đời sống cộng đồng. Kinh tế địa phương chủ yếu dựa vào nông – lâm nghiệp, chăn nuôi và các hoạt động sản xuất quy mô hộ gia đình.

Những năm gần đây, cùng với quá trình đầu tư phát triển hạ tầng, A Lưới đang từng bước khai thác tiềm năng du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch văn hóa dựa trên lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, di sản văn hóa và các giá trị lịch sử. Tuy nhiên, đời sống kinh tế của người dân vẫn còn nhiều khó khăn; cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động văn hóa cộng đồng còn hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương.

Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội để hình thành các thiết chế văn hóa có khả năng bảo tồn bản sắc, nâng cao đời sống tinh thần của người dân và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội theo hướng bền vững.

2.4 Các thông tin về khu đất xây dựng công trình (quy hoạch)

2.4.1 Điều kiện tự nhiên

a. Lượng mưa

- Lượng mưa phân bố theo mùa khá rõ.
- Mùa khô kéo dài từ khoảng tháng 1–8.
- Mùa mưa tập trung vào cuối năm (tháng 9–12).
- Đỉnh mưa khoảng tháng 10 với ~404 mm.

b. Nhiệt độ

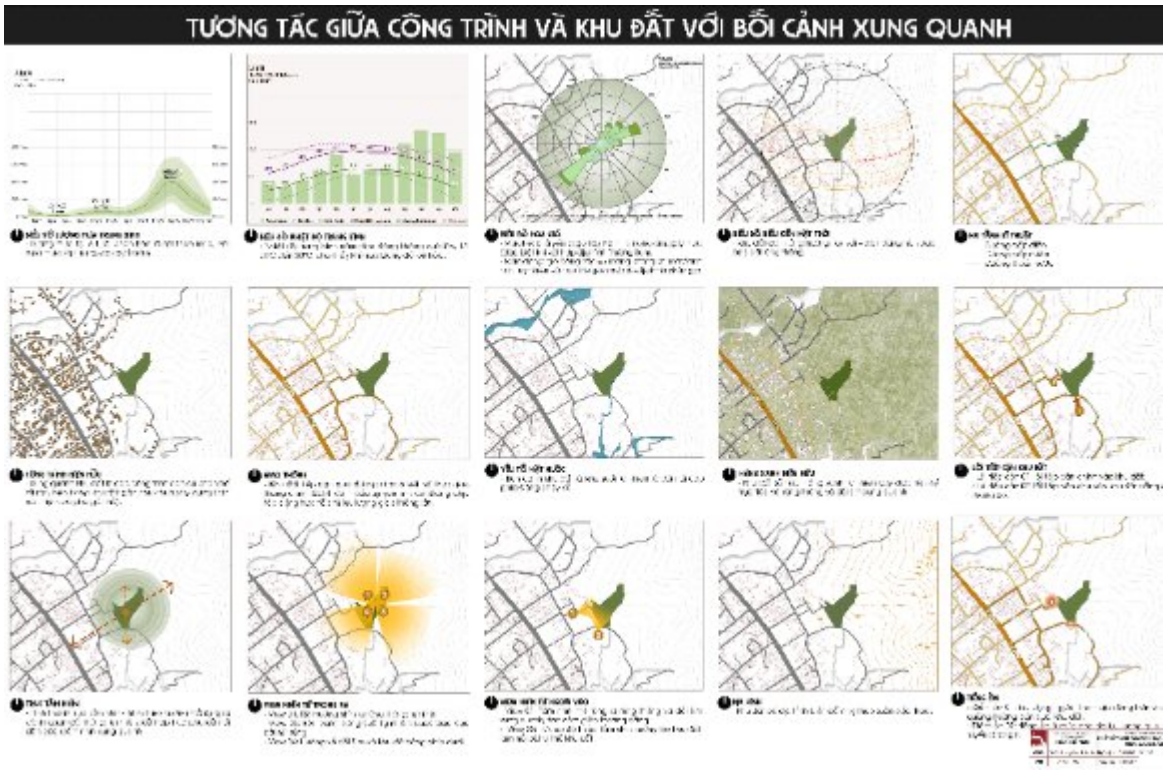
- Nhiệt độ trung bình dao động từ khoảng:
  - Thấp nhất: ~21°C
  - Cao nhất: ~30°C
- Biên độ nhiệt không lớn, khí hậu tương đối ôn hòa.

c.Gió

- Gió chủ đạo mùa hè: Tây Nam → mang không khí nóng ẩm, gây mưa.
- Gió mùa đông: Đông Bắc → mang không khí khô và lạnh hơn.
- Địa hình có thể làm thay đổi hướng và cường độ gió cục bộ.

d. Hướng nắng

- Khu đất đón nắng hướng Tây.
- Có tầm nhìn đẹp về phía hoàng hôn.
- Rừng thông xung quanh giúp giảm bớt bức xạ nhiệt trực tiếp.



Hình 6 Sơ đồ và biểu đồ đánh giá điều kiện tự nhiên khu đất

2.4.2 Điều kiện xã hội

a. Dân cư và cộng đồng

- Khu vực xung quanh đã có dân cư sinh sống nhưng mật độ không quá dày đặc.
- Các công trình nhà ở phân bố rải rác, tạo môi trường sống tương đối yên tĩnh.
- Hình thành cộng đồng dân cư địa phương ổn định, thuận lợi cho việc kết nối và khai thác các hoạt động dịch vụ.
- Chưa xuất hiện tình trạng đô thị hóa quá mức, vẫn giữ được nét đặc trưng của khu vực ngoại ô/du lịch sinh thái.

b. Hoạt động kinh tế

Xuất hiện các dịch vụ quy mô nhỏ như quán cà phê và các cơ sở phục vụ du lịch.

Hoạt động kinh tế chủ yếu có thể gắn với:

- Du lịch sinh thái.
- Dịch vụ lưu trú.
- Kinh doanh ăn uống.
- Thương mại phục vụ khách tham quan.

Có tiềm năng phát triển kinh tế địa phương thông qua khai thác cảnh quan tự nhiên.

c. Khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội

Khu đất nằm gần hệ thống giao thông kết nối với tuyến đường chính, tạo điều kiện tiếp cận:

- Trường học.
- Cơ sở y tế.
- Chợ và trung tâm thương mại địa phương.
- Các dịch vụ hành chính công.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, thoát nước) đã hiện hữu, góp phần nâng cao chất lượng sống và khả năng đầu tư xây dựng.

d. Du lịch và văn hóa

- Khu vực có lợi thế về cảnh quan rừng thông, suối tự nhiên và đồi Sim.
- Có khả năng thu hút khách du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm thiên nhiên.
- Các dịp cuối tuần và lễ tết có thể tập trung đông du khách hơn, thể hiện qua phân tích tiếng ồn trong hồ sơ.
- Có tiềm năng tổ chức các hoạt động cộng đồng, văn hóa và sinh thái.

e. Mức độ an toàn và chất lượng môi trường sống

- Thuận lợi

- Không gian sống yên tĩnh.
- Ít chịu ảnh hưởng từ giao thông cường độ cao.
- Môi trường xanh, chất lượng không khí tốt.
- Cảnh quan tự nhiên tạo điều kiện nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần.

- Hạn chế

- Vào mùa du lịch có thể xuất hiện áp lực về giao thông và tiếng ồn.
- Nếu phát triển xây dựng quá nhanh có thể làm giảm chất lượng cảnh quan và môi trường sinh thái.

2.5 Phân tích khu đất (điểm mạnh, điểm yếu...)

Yếu tố	Hiện trạng	Điểm mạnh	Điểm yếu
Vị trí	Khu đất nằm gần tuyến giao thông kết nối QL14, tiếp giáp khu dân cư hiện hữu và rừng thông	Dễ tiếp cận, thuận lợi kết nối với khu vực xung quanh, vẫn đảm bảo tính riêng tư	Có khả năng chịu tác động từ hoạt động giao thông và du lịch trong tương lai
Địa hình	Địa hình biến đổi nhẹ, sườn dốc thoải	Tạo tầm nhìn đẹp, thuận lợi thiết kế kiến trúc bậc thang và khai thác cảnh quan tự nhiên	Cần giải pháp xử lý nền móng, thoát nước và chống xói mòn mùa mưa
Khí hậu	Nhiệt độ trung bình 21–30°C, khí hậu ôn hòa	Điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt, nghỉ dưỡng và hoạt động	Mùa mưa tập trung cuối năm với lượng mưa lớn

Bảng 1 Đánh giá điều kiện khu đất

		ngoài trời quanh năm	
Hướng nắng	Tiếp nhận nắng hướng Tây	Khai thác giá trị cảnh quan hoàng hôn	Nắng chiều gây tăng nhiệt cho công trình
Hướng gió	Gió chủ đạo Tây Nam và Đông Bắc	Tạo điều kiện thông gió tự nhiên tốt, cải thiện vi khí hậu	Một số thời điểm có thể chịu ảnh hưởng của gió mạnh theo mùa
Mảng xanh	Tiếp giáp rừng thông và đồi Sim tự nhiên	Cảnh quan đẹp, môi trường trong lành, tăng giá trị sinh thái và nghỉ dưỡng	Cần hạn chế tác động xây dựng làm ảnh hưởng hệ sinh thái tự nhiên
Mặt nước	Có suối tự nhiên phía Đông khu đất	Tăng giá trị cảnh quan, cải thiện vi khí hậu và tạo điểm nhấn không gian	Nguy cơ xói lở hoặc ngập cục bộ khi mưa lớn
Tầm nhìn	Hướng nhìn rộng về rừng thông, đồi Sim và suối tự nhiên	Giá trị cảnh quan cao, phù hợp khai thác du lịch và nghỉ dưỡng	Cần kiểm soát chiều cao công trình để không che khuất tầm nhìn
Giao thông	Tiếp cận bằng đường nhánh kết nối đường chính	Thuận lợi tiếp cận nhưng không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi lưu lượng xe lớn	Mặt cắt đường tiếp cận có thể hạn chế khi lượng khách tăng cao
Hạ tầng kỹ thuật	Có hệ thống điện, cấp nước và thoát nước hiện hữu	Giảm chi phí đầu tư hạ tầng ban đầu	Có thể cần nâng cấp để đáp ứng nhu cầu khai thác lớn
Công trình xung quanh	Nhà ở dân cư phân bố thưa, mật độ thấp	Không gian yên tĩnh, cảnh quan mở	Khả năng phát sinh xây dựng mới trong tương lai ảnh hưởng cảnh quan
Môi trường xã hội	Dân cư ổn định, xuất hiện các dịch vụ nhỏ phục vụ du lịch	Thuận lợi phát triển mô hình du lịch cộng đồng, nghỉ dưỡng sinh thái	Hoạt động du lịch đông vào cuối tuần có thể làm tăng tiếng ồn
Tiếng ồn	Chủ yếu từ giao thông và hoạt động du lịch	Mức độ ồn hiện tại tương đối thấp	Có thể gia tăng vào mùa cao điểm du lịch

Nội dung	Phân tích
Strengths (Điểm mạnh)	Tiếp giáp rừng thông tự nhiên; có suối và đồi Sim; khí hậu ôn hòa; nhiều hướng nhìn đẹp; hạ tầng kỹ thuật sẵn có; giao thông thuận lợi; môi trường sinh thái chất lượng cao.
Weaknesses (Điểm yếu)	Địa hình dốc nhẹ cần xử lý kỹ thuật; nắng hướng Tây; lượng mưa lớn vào cuối năm; một số vị trí tiếp cận còn hạn chế.
Opportunities (Cơ hội)	Phát triển khu nghỉ dưỡng sinh thái, homestay, villa nghỉ dưỡng, cà phê ngắm cảnh, không gian cộng đồng gắn với thiên nhiên; gia tăng giá trị du lịch địa phương.
Threats (Thách thức)	Áp lực phát triển đô thị và du lịch có thể ảnh hưởng cảnh quan; nguy cơ xói mòn mùa mưa; yêu cầu bảo tồn hệ sinh thái rừng và suối tự nhiên.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP THIẾT KẾ

3.1 Nhiệm vụ thiết kế chi tiết

- Chức năng lễ hội
- Chức năng dịch vụ
- Chức năng trưng bày- trải nghiệm
- Chức năng nhà hàng- ăn uống
- Chức năng hành chính, làm việc, học tập
- Không gian cảnh quan – bãi đỗ xe năng

Bảng cơ cấu sử dụng đất

Thành phần	Số liệu
Diện tích khu đất	~ 1,6 ha
Diện tích xây dựng	3.200 m²

Mật độ xây dựng	20%
Hệ số sử dụng đất	0,5
Tổng diện tích sàn	8.000 m²

Bảng 2. Bảng cơ cấu sử dụng đất

3.2 Nhiệm vụ thiết kế chi tiết

3.2.1 Khối tiếp đón-trưng bày

Thành phần	Số lượng	Quy mô	Diện tích (m²)	Tiêu chí	TC/QCVN
Sảnh chính	1	80-100	90-120	0.8–1.2 m²/người	TCVN 4470:2012
Quầy bán vé/lễ tân	1		15	0.3m²/người	QCVN 10:2014/BXD
Phòng kỹ thuật	1	Điện , nước	50		TCVN 9211:2012
Hành lang			1100	Chiếm ~20% diện tích sàn	QCVN 06:2022/BXD
Kho	1-2		50		TCVN 4601:2012
WC	2	Nam: 2 xí, 3 tiểu, 2 rửa Nữ: 4 xí, 2 rửa 1 phòng cho người khuyết tật	80	Nam: 100ng/xí, 35ng/tiểu, 1–3 xí/rửa; Nữ: 50ng/xí, 30ng/tiểu, 1–3 xí/rửa	QCVN 01:2021/BXD

Tổng			~2380		

3.2.2 Trưng bày triển lãm

Thành phần	Số lượng	Quy mô	Diện tích (m^2)	Tiêu chí	TC/QCVN
Sảnh	1	160-250 khách	200	0.8–1.2 m^2/người	TCVN 4470:2012
Không gian trưng bày tổng quát	1	20-30 khách	300-400	4-6 m2/ khách (kể cả hiện vật)	TCVN 4451:2012
Không gian trưng bày " Sắc Phục"	1		300-400		
Không gian trưng bày dòng chảy văn hóa	1		120-180		
Không gian trưng bày làng nghề điêu khắc	1	10-20 khách	50-80	4-6 m2/ khách (kể cả hiện vật)	TCVN 4451:2012
Không gian trưng bày làng nghề đan lát	1				
Không gian trưng bày làng nghề Dệt Zèng	1				
Không gian trưng bày dụng cụ sinh hoạt	1				

Không gian trưng bày nhạc cụ truyền thống	1				
Không gian trưng bày cách mạng lịch sử	1	60-100 khách	300-400	4-6 m2/ khách (kể cả hiện vật)	TCVN 4451:2012
Sảnh nhập hàng	1	Tiếp nhận hiện vật, kiểm tra sơ bộ	100		TCVN 5926:2007
Phòng kiểm kê & phục chế			80		TCVN 5926:2007
Phòng kỹ thuật	1	Điện, nước	30		TCVN 9211:2012
Phòng tiếp khách	1		30		
Hành lang			800-1000	Chiếm ~20% diện tích sàn	QCVN 06:2022/BXD
Cầu thang	3	Chiều rộng vế thang >=1.5m	90		QCVN 06:2022/BXD
Thang máy	2	Tải trọng 2.000kg (vận chuyển gốm lớn) Tải trọng 1.000kg (13-15 người)	30		TCVN 6395:2008

Kho chủ đề			10-15	3-5%	
Kho tổng	1	Lưu trữ chuyên dụng	160-240	(8–12%	TCVN 5926:2007
WC	1	Nam: 2 xí, 1 tiểu, 2 rửa Nữ: 2 xí, 2 rửa 1 phòng cho người khuyết tật	30	Nam: 100ng/xí, 50ng/tiểu, 1–3 xí/rửa; Nữ: 50ng/xí, 1–3 xí/rửa	TCVN 4319:2012
Tổng			~2800		

3.2.3 Thư viện – Hội trường

Thành phần	Số lượng	Quy mô	Diện tích (m²)	Tiêu chí	TC/QCVN
Sảnh	1	Khu vực gửi đồ, ghế chờ	200	0.8–1.2 m²/người	TCVN 4470:2012
Thư viện chuyên ngàng	1	100–120 chỗ đọc	250 m²	Phòng đọc: 2,5m2/chỗ + kho sách	TCVN 11716:2016
Phòng thủ thư & tra cứu	1				

Phòng tra cứu thẻ	1				
Kho sách	1		40-100	2.5-3 m2/ 1000 đơn vị lữu trữ	TCVN 3981:1985
Phòng tiếp nhận và phân loại	1				
Phòng họp nhóm	3-5	10-20 người	150	2.5m2/người	TCVN 4470:2012
Sảnh nhập sách	1		40		
Hội thảo	1	50-75 người	100	1.4-2m2/ người	TCVN 4470:2012
Sảnh -không gian giải lao	1		30-50	30 – 50% diện tích hội thảo	
Phòng nghỉ	1		30	4-6m2/ người	Theo TCVN 4319:2012
Kho thiết bị	1		15	5 – 10% diện tích phòng hội thảo	
Kỹ thuật âm thanh - ánh sáng	1		15	Tối thiểu 8-15m2	
Phòng kỹ thuật	1	Điện , nước	50		TCVN 9211:2012
Hành lang			800-1000	Chiếm ~20% diện tích sàn	QCVN 06:2022/BXD

Cầu thang	3	Chiều rộng vế thang >= 1.5m	90		QCVN 06:2022/BXD
Thang máy	2		30		TCVN 6395:2008
WC	2	Nam: 4 xí, 6 tiểu, 4 rửa Nữ: 8 xí, 4 rửa 1 phòng cho người khuyết tật	120	Nam: 100ng/xí, 35ng/tiểu, 1–3 xí/rửa; Nữ: 50ng/xí, 30ng/tiểu, 1–3 xí/rửa	QCVN 01:2021/BXD TCVN 4513:1988
Tổng			~2100		

3.2.4 Hành chính & kỹ thuật

Thành phần	Số lượng	Quy mô	Diện tích (m²)	Tiêu chí	TC/QCVN
Sảnh	1		40-60	0.8–1.2 m²/người	TCVN 4470:2012
Hành lang	1		400-500	Chiếm ~20% diện tích sàn	QCVN 06:2022/BXD
Sảnh nhân viên	1		50	6-8m2/nhân viên	TCVN 4601:2012
Phòng phó ban	1		30		
Phòng trưởng	1		40	Có tiếp khách,vệ	

ban				sinh riêng	
Phòng họp hội đồng quản trị		8-12	25-35		
Phòng kế toán - tài vụ	1	5 người	25-35	6-8m2/nhân viên	
Phòng hành chính - nhân sự		5-7	30-40		
Kho lưu trữ			15-20		
Phòng thư ký	1		20		
Phòng tiếp khách	1	3-4 người	30		
Phòng nghỉ nhân viên			15-20		
Phòng họp	1	30-50 người	60-120	1.5-2m2/nhân viên	
Trạm biến áp			30-50		TCVN 9206:2012
Phòng Máy phát điện			40--60		TCVN 9206:2012
Phòng Kỹ thuật điện	1		10-20		TCVN 9211:2012
Trạm bơm cấp nước	1		20-40		QCVN 01:2021
Trạm bơm PCCC	1		60		QCVN 06:2022
Phòng điều khiển trung tâm	1		20-40		TCVN 9206:2012

Kho kỹ thuật + bảo trì	1		30-80		TCVN 5926:2007
Cầu thang	3	Chiều rộng vế thang >= 1.5m	10		QCVN 06:2022/BXD
Thang máy	1	Tải trọng 1.000kg (13-15 người)	15		QCVN 06:2022/BXD
WC	1-2	Nam: 2 xí, 2 tiểu, 1 rửa Nữ: 3 xí, 1 rửa 1 phòng cho người khuyết tật	40	Nam: 100ng/xí, 35ng/tiểu, 1–3 xí/rửa; Nữ: 50ng/xí, 30ng/tiểu, 1–3 xí/rửa	QCVN 01:2021/BXD
Tổng			~1300		

3.2.5 Dịch vụ công cộng

Thành phần	Số lượng	Quy mô	Diện tích (m²)	Tiêu chí	TC/QCVN
Sảnh	1		20	1.2–1.5 m²/người	QCVN 06:2022
Hành lang			40-50	Chiếm ~12% khối dịch vụ	QCVN 06:2022/BXD
Nhà hàng + café	1	30–40	60–80	1.5–2 m²/khách	TCVN

(tầng 2)		khách		(khu ăn uống kết hợp café)	5065:1990 / tham khảo thiết kế
Không gian ăn uống – phục vụ	-	-	15–30	Khu bàn nhỏ / bar phục vụ	-
Bếp bánh	1	5–8 nhân sự	20–25	2.5–3 m²/người + khu thiết bị	TCVN 4513:1988
Bếp sơ chế	1	6–10 nhân sự	25–35	Khu chuẩn bị nguyên liệu	TCVN 4513:1988
Bếp chính	1	10–15 nhân sự	40–60	Khu nấu chính	TCVN 4513:1988
Khu soạn chia (pass)	1	-	10–15	Khu ra món	TCVN 4513:1988
Khu rửa	1	4–6 nhân sự	12–20	Khu vệ sinh dụng cụ	TCVN 4513:1988
Kho thực phẩm	2	-	4 × 2.5 = 10 m²/kho	Kho khô + kho lạnh	TCVN 4601:2012
Phòng quản lý	1	3–5 người	4 × 3.5 = 14 m²	Văn phòng điều hành	TCVN 4601:2012
Phòng nhân viên	1	8–12 người	20 m²	Nghỉ + thay đồ	TCVN 4601:2012
Khu tập kết rác thải	1	-	14 m² (3.5 × 4)	Khu chứa rác kín, tách mùi	QCVN 07:2010/BXD
Hành lang	-	-	20–25% diện tích sàn	Giao thông nội bộ	QCVN 06:2022/BXD
WC (Nam, Nữ, Người khuyết tật)	1	Nam: 2 xí, 2 tiểu, 2 rửa Nữ: 3 xí, 2 rửa 1 phòng cho người khuyết tật	40	Nam: 100ng/xí, 35ng/tiểu, 1–3 xí/rửa; Nữ: 50ng/xí, 30ng/tiểu, 1–3 xí/rửa	QCVN 01:2021/BXD
Tổng			~450		

3.2.6 Khối tưởng niệm

Thành phần	Số lượng	Quy mô	Diện tích (m²)	Tiêu chí	TC/QCVN
Không gian tưởng niệm chính (khối tròn)	1	1-2 người	200-250m2	Không gian chiêm nghiệm cá nhân, đứng/di chuyển chậm	TCVN 4451:2012
Bức tường chiêm nghiệm vòng tròn	1	20–30 người	~200	Không gian tĩnh, mật độ thấp 6–8 m²/người	Tham khảo không gian tưởng niệm
Sảnh tiếp cận / chuyển tiếp	1	5-10 người	30–50	Đệm không gian trước khi vào	QCVN 06:2022/BXD
Tổng			~450		

- **Nội dung nghiên cứu:**



Hình 7. Nội dung nghiên cứu

a. Nghiên cứu về vi khí hậu

Tìm hiểu các đặc điểm khí hậu của khu vực A Lưới như nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm, hướng gió chủ đạo và bức xạ mặt trời nhằm đưa ra các giải pháp thiết kế phù hợp với điều kiện tự nhiên địa phương. Nội dung nghiên cứu tập trung vào khả năng thông gió tự nhiên, che nắng, thoát nước mưa, lựa chọn vật liệu và tổ chức không gian nhằm tạo môi trường vi khí hậu dễ chịu, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với điều kiện vùng núi.

b. Nghiên cứu kiến trúc bản địa

Nghiên cứu đặc điểm kiến trúc truyền thống của đồng bào vùng cao A Lưới, đặc biệt là không gian nhà cộng đồng, nhà ở và phương thức xây dựng địa phương. Phân tích hình thái kiến trúc, kết cấu, vật liệu, tổ chức không gian và mối quan hệ giữa kiến trúc với môi trường tự nhiên nhằm kế thừa và chuyển hóa những giá trị cốt lõi vào ngôn ngữ kiến trúc đương đại.

c. Nghiên cứu văn hóa bản địa

Tìm hiểu các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc sinh sống tại A Lưới như lễ hội truyền thống, nghề dệt Zèng, âm nhạc dân gian, tín ngưỡng, tri thức bản địa và phong tục tập quán. Qua đó xác định những yếu tố văn hóa có thể chuyển tải vào không gian kiến trúc và hoạt động của công trình.

d.. Nghiên cứu con người và đời sống cộng đồng

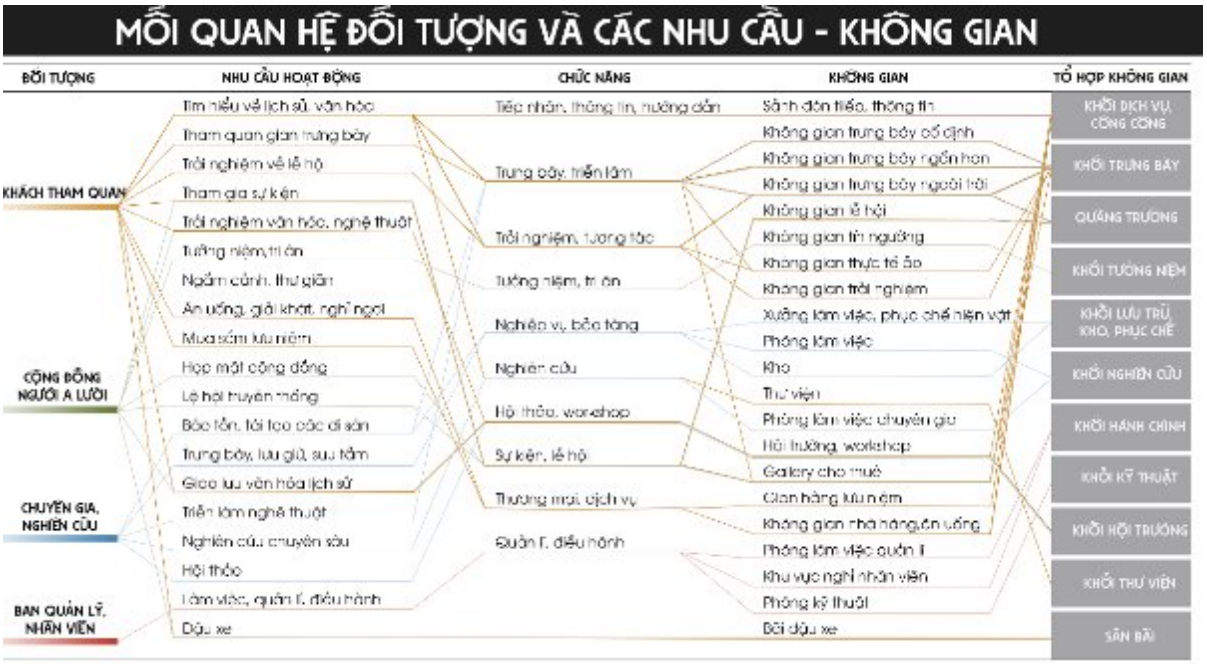
Khảo sát đặc điểm dân cư, nhu cầu sử dụng, phương thức sinh hoạt, giao tiếp và các hoạt động cộng đồng của người dân địa phương. Việc nghiên cứu hành vi và đời sống cộng đồng giúp định hướng tổ chức không gian phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng thực tế và tăng cường tính gắn kết xã hội.

e. Nghiên cứu cảnh quan và địa hình

Phân tích đặc điểm địa hình, thảm thực vật, hệ thống sông suối và cảnh quan tự nhiên của khu vực nghiên cứu nhằm khai thác hiệu quả các giá trị sẵn có của khu đất. Nội dung nghiên cứu hướng đến việc hạn chế tác động đến địa hình tự nhiên, bảo tồn hệ sinh thái bản địa và kiến tạo mối quan hệ cộng sinh giữa kiến trúc với cảnh quan Trường Sơn.

Hình 8. Nội dung trưng bày





Hình 9. Đối tượng và không gian chức năng

Gian tổng quan:Giới thiệu khái quát về vùng đất A Lưới, mở đầu hành trình khám phá văn hóa và lịch sử địa phương.

3.3 Bảng nội dung trưng bày đề xuất

STT	Chủ đề	Nội dung trưng	Vật phẩm	Không gian trưng

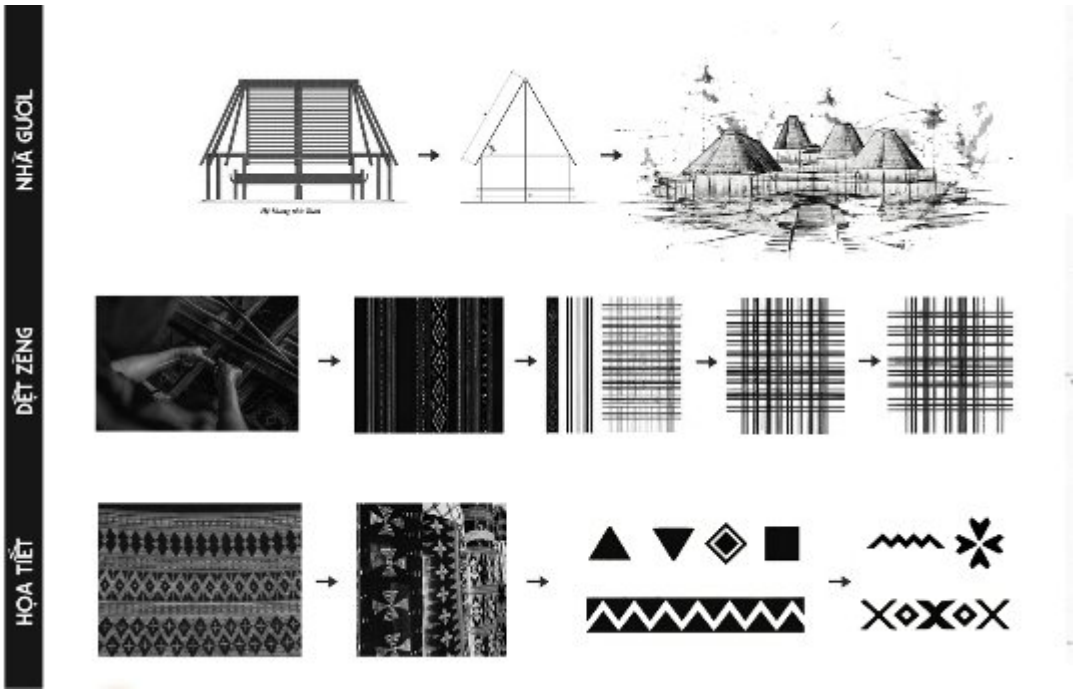
	trưng bày	**bày**	**trưng bày**	**bày**
01	Tổng quan về A Lưới	Giới thiệu vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, các dân tộc sinh sống và quá trình hình thành vùng đất A Lưới	Bản đồ, ảnh tư liệu, timeline phát triển, mô hình địa hình, video giới thiệu	Không gian dẫn nhập mở đầu hành trình, kết hợp trình chiếu đa phương tiện
02	Miền đất và con người	Giới thiệu cộng đồng Tà Ôi, Pa Cô, Cơ Tu, Pa Hy; đời sống sinh hoạt và tín ngưỡng	Tranh ảnh, chân dung, hiện vật sinh hoạt, mô hình làng bản	Không gian mở, bố trí theo cụm dân tộc
03	Sắc phục vùng cao	Trưng bày trang phục truyền thống và giá trị thẩm mỹ của từng dân tộc	Bộ trang phục nguyên mẫu, phụ kiện, họa tiết Zèng, ảnh tư liệu	Không gian bán mở, kết hợp mannequin và màn hình tương tác
04	Văn hóa và lễ hội	Giới thiệu các lễ hội, âm nhạc dân gian, tín ngưỡng và phong tục tập quán	Nhạc cụ truyền thống, hình ảnh lễ hội, video trình diễn	Không gian trải nghiệm âm thanh và trình chiếu
05	Làng nghề truyền thống	Giới thiệu nghề dệt Zèng, đan lát, chế tác thủ công và tri thức bản địa	Khung dệt, sản phẩm thủ công, dụng cụ lao động	Không gian trưng bày kết hợp trình diễn và trải nghiệm thực hành
06	Đời	Tái hiện hoạt động	Dụng cụ sản	Không gian

	sống sản xuất	canh tác nương rẫy, săn bắt và sinh kế truyền thống	xuất, mô hình canh tác, ảnh tư liệu	bán ngoài trời hoặc diorama
07	Ký ức Trường Sơn	Giới thiệu lịch sử đấu tranh cách mạng và dấu ấn chiến tranh tại A Lưới	Tư liệu, hình ảnh, hiện vật chiến tranh, bản đồ chiến dịch	Không gian chuyển tiếp với ánh sáng trầm, mang tính tưởng niệm
08	Lịch sử cách mạng A Lưới	Các sự kiện tiêu biểu: đường Trường Sơn, sân bay A So, Hamburger Hill, những đóng góp của nhân dân A Lưới	Kỷ vật, tư liệu nhân chứng, phim tài liệu, hiện vật lịch sử	Không gian trưng bày trên tầng, tạo hành trình chiêm nghiệm và tưởng nhớ

Bảng 3. Nội dung trưng bày đề xuất

3.3.4 Ý tưởng chung

3.3.4.1Cảm hứng thiết kế



Hình 10. Chất cảm thiết kế

Chất cảm thiết kế của công trình được hình thành từ sự giao thoa giữa văn hóa bản địa, ký ức cộng đồng và cảnh quan đại ngàn A Lưới. Thay vì mô phỏng trực tiếp các hình thức truyền thống, đề tài lựa chọn chắt lọc và chuyển hóa những giá trị cốt lõi thành ngôn ngữ kiến trúc đương đại.

- **Dệt Zèng** mang đến cảm hứng về sự đan xen và kết nối. Những đường nét, họa tiết và cấu trúc dệt được chuyển hóa thành lớp vỏ kiến trúc, giải pháp lấy sáng, che nắng và nhịp điệu không gian.
- **Nhà Gươl** – biểu tượng cộng đồng của đồng bào vùng cao – gợi mở tinh thần quây quần, sẻ chia và gắn kết. Không gian trung tâm của công trình được tổ chức như một "trái tim cộng đồng", nơi diễn ra các hoạt động giao lưu, lễ hội và sinh hoạt chung.
- **Hoa văn truyền thống** phản ánh thế giới quan, tín ngưỡng và tri thức bản địa. Các mô-típ đặc trưng được khai thác như yếu tố nhận diện, xuất hiện có chọn lọc trong chi tiết kiến trúc, nội thất và không gian trưng bày.
- **Làng nghề truyền thống** lưu giữ ký ức lao động và sự khéo léo của con người A Lưới. Tinh thần thủ công được thể hiện thông qua tính chân thực của vật liệu, dấu ấn thủ công trong chi tiết và sự tôn vinh giá trị làm bằng tay.

Từ những chất liệu văn hóa ấy, công trình hướng đến một kiến trúc vừa mang hơi thở đương đại, vừa gợi cảm giác thân thuộc, chở che và giàu bản sắc; trở thành nơi cộng đồng tìm thấy sự kết nối với thiên nhiên, với ký ức và với cội nguồn.

3.3.4.2Ý tưởng chủ đạo



Hình 12. Sơ đồ minh hoạ concept

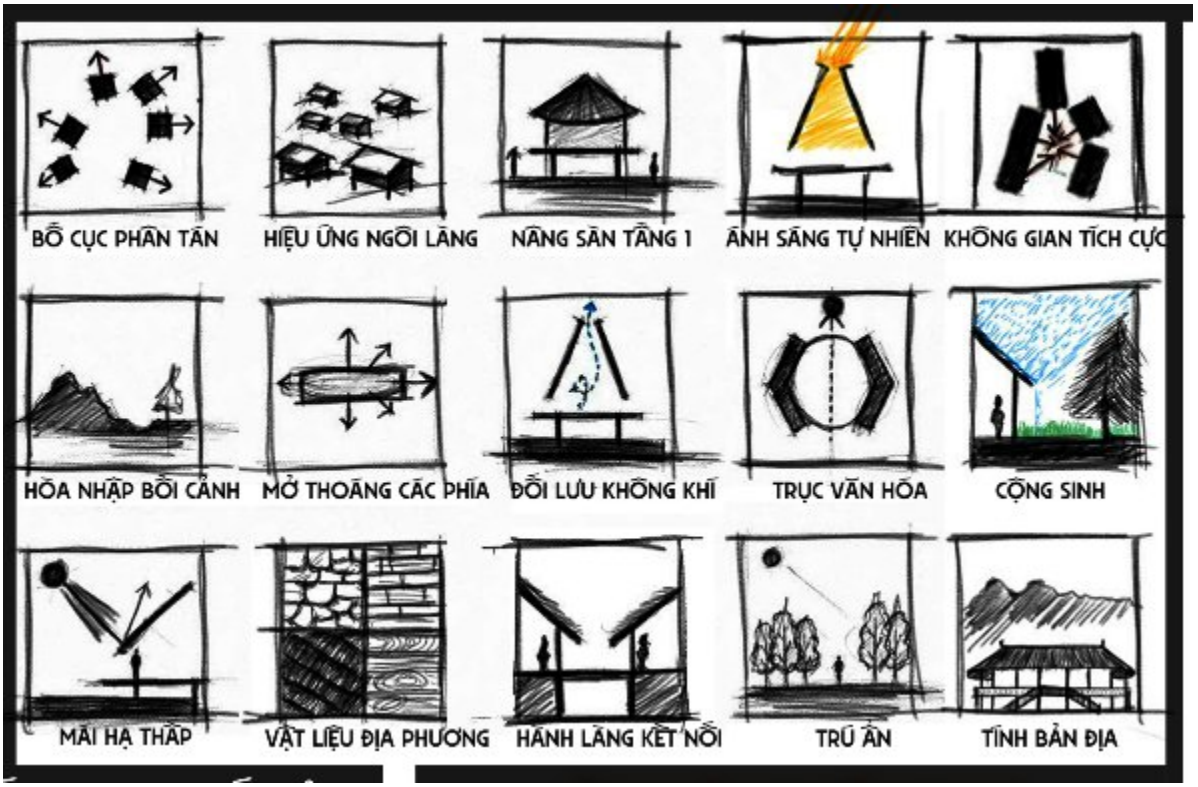
Lấy cảm hứng từ mái nhà Gươl – biểu tượng thiêng liêng của cộng đồng vùng cao – công trình được kiến tạo như một mái che lớn ôm lấy con người và cảnh quan đại ngàn. Không đối lập với thiên nhiên, kiến trúc hòa vào địa hình, nối tiếp những đường nét của núi rừng Trường Sơn, thể hiện tinh thần cộng sinh giữa con người và tự nhiên.

Tâm điểm của công trình là quảng trường cộng đồng được nâng lên như một "đỉnh cao tinh thần" của vùng đất. Trong quan niệm vạn vật hữu linh của đồng bào, thiên nhiên không chỉ là bối cảnh mà còn là nơi ngự trị của thần linh, tổ tiên và những giá trị thiêng liêng. Quảng trường trở thành nơi con người hội tụ, diễn ra lễ hội, nghi thức cộng đồng và các sự kiện quan trọng; là không gian kết nối giữa con người với đất trời, giữa hiện tại với ký ức và cội nguồn.

Từ mái nhà Gươl đến quảng trường thiêng, công trình hướng tới việc tái hiện tinh thần cộng đồng của đại ngàn bằng một ngôn ngữ kiến trúc đương đại, nơi mỗi bước chân đều là hành trình tìm về bản sắc và sự gắn kết.

3.3.5 Ý niệm thiết kế

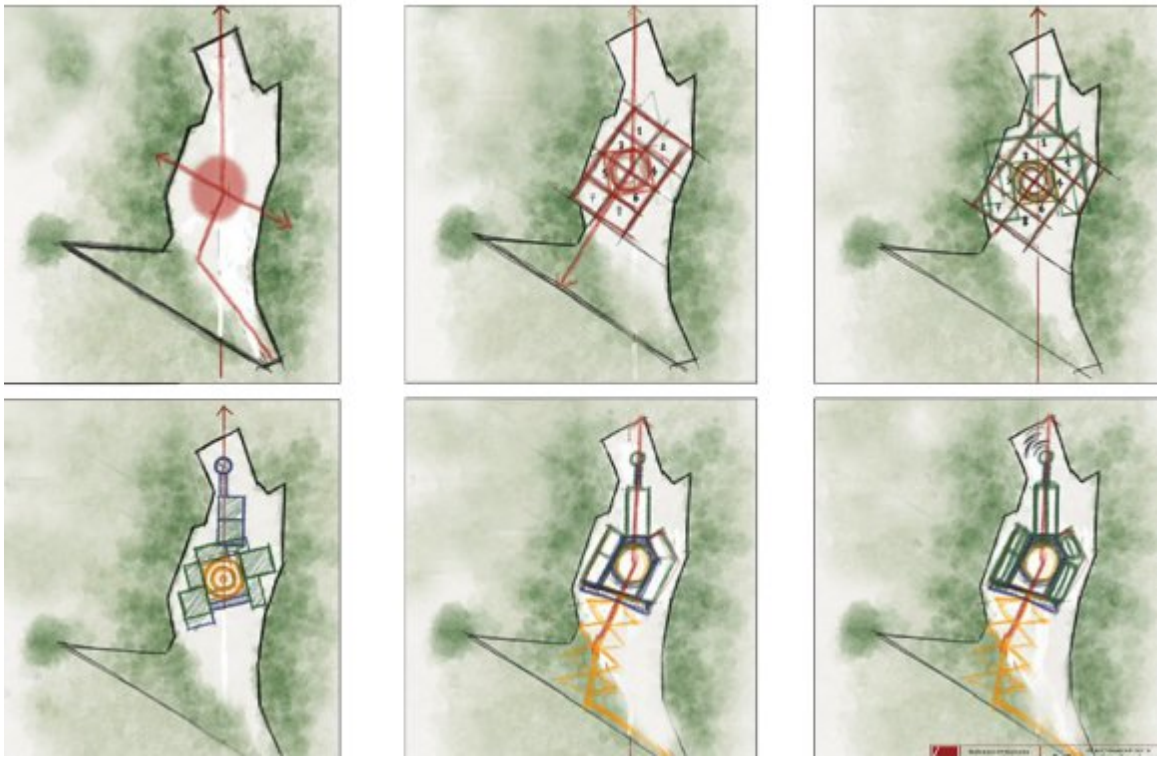
- **Bố cục phân tán:** Các khối chức năng được bố trí phân tán theo cấu trúc làng bản truyền thống, tạo nên những khoảng sân chung và không gian chuyển tiếp đa dạng.
- **Hiệu ứng ngôi làng:** Tổ chức công trình theo cụm nhỏ bao quanh quảng trường trung tâm, gợi nhớ hình ảnh quần cư của cộng đồng dân tộc vùng cao.
- **Nâng sàn tầng 1:** Kế thừa đặc trưng kiến trúc bản địa nhằm thích ứng với địa hình, chống ẩm và tạo sự thông thoáng cho công trình.



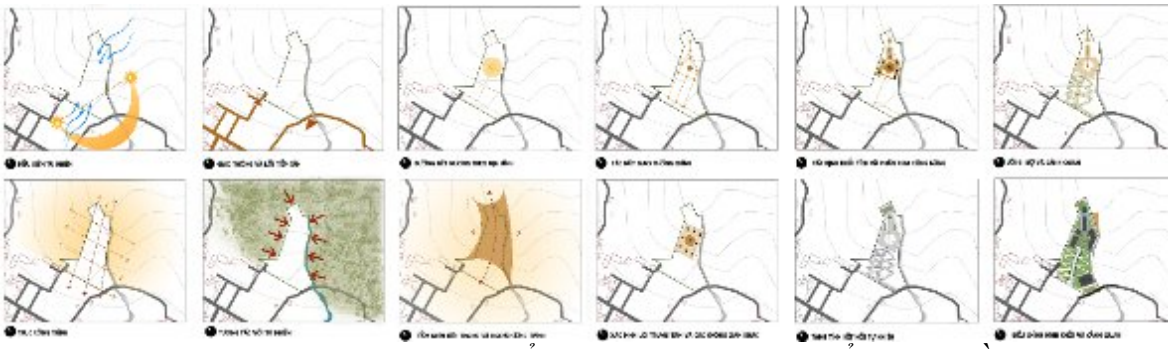
Hình 13. Ý niệm thiết kế

- **Ánh sáng tự nhiên:** Khai thác ánh sáng từ mái và các khoảng mở để chiếu sáng không gian trung tâm, tạo hiệu ứng thiêng liêng và tiết kiệm năng lượng.
- **Không gian tích cực:** Hình thành các khoảng sân, quảng trường và không gian bán ngoài trời nhằm tăng cường giao tiếp, sinh hoạt cộng đồng và tổ chức lễ hội.
- **Hòa nhập bối cảnh:** Công trình thuận theo địa hình tự nhiên, hạn chế san gạt và hòa mình vào cảnh quan rừng núi Trường Sơn.
- **Mở thoáng các phía:** Tăng cường sự kết nối giữa không gian trong và ngoài, mở rộng tầm nhìn ra thiên nhiên xung quanh.
- **Đối lưu không khí:** Tổ chức thông gió tự nhiên thông qua khoảng thông tầng, mái cao và các cửa mở nhằm cải thiện vi khí hậu.
- **Trục văn hóa:** Xây dựng hành trình không gian dẫn dắt người sử dụng đi qua các lớp trải nghiệm về văn hóa, đời sống và ký ức của A Lưới.
- **Cộng sinh:** Kiến trúc hướng đến sự hài hòa giữa con người, công trình và hệ sinh thái tự nhiên, góp phần bảo tồn cảnh quan bản địa.
- **Mái hạ thấp:** Thiết kế mái với độ vươn rộng và cao độ phù hợp nhằm tạo cảm giác gần gũi, che chở và tăng khả năng chống nắng, chắn mưa.
- **Vật liệu địa phương:** Ưu tiên sử dụng các vật liệu mang tính bản địa hoặc gợi nhắc vật liệu truyền thống như gỗ, đá, tre, mái lá và họa tiết dệt Zèng.

- **Hành lang kết nối:** Hệ thống hành lang liên kết các khối chức năng, tạo nên trải nghiệm khám phá liên tục và tăng cường tương tác.
- **Trú ẩn:** Kiến tạo những không gian mang lại cảm giác an toàn, ấm cúng và thuộc về, như một mái nhà chung giữa đại ngàn.
- **Tính bản địa***:* Chuyển hóa tinh thần của nhà Gươl, hoa văn truyền thống, nghề dệt Zèng và cấu trúc làng bản vào ngôn ngữ kiến trúc đương đại.



Hình 14. Quá trình phát triển ý tưởng



Hình 15. Quá trình phát triển ý tưởng quy hoạch tổng mặt bằng



Hình 16. Phương án quy hoạch tổng mặt bằng (Mặt bằng tổng thể)

TỶ LỆ DIỆN TÍCH CÁC KHỐI CHỨC NĂNG THỰC TẾ

3.3.6 Bảng tỷ lệ diện tích các khối chức năng

Thành phần	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
Diện tích quảng trường	700	4,12
Khối tiếp đón – trưng bày	1.000	5,88
Khối dịch vụ	500	3,00
Khối hội trường – thư viện	450	2,65
Khối hành chính – trưng bày	750	4,50
Khối tri ân – tưởng niệm	40	0,20

Diện tích hành lang	310	1,80
Diện tích giao thông – sân bãi	4.100	24,20
Diện tích cây xanh	9.150	53,80
Tổng	**17.000**	**100,00**

Bảng 4. Tỷ lệ diện tích các khối chức năng theo phương án quy hoạch tổng mặt bằng

3.3.7 Tổng hợp hình thái không gian

Đánh giá điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến khu đất và công trình để đưa ra giải pháp lựa chọn trục và hướng chính cho công trình. Công trình cần đảm báo đón gió, tuy nhiên vẫn cần phải có phương án chắn nắng hướng Tây - Đông phù hợp. Bên cạnh đó, đánh giá mức độ ồn xung quanh công trình cũng là một điểm quan trọng để tính tới chức năng động và tĩnh bên trong công trình (Khu vực công cộng có thể tiệm cận những khu dân cư và giao thông đông đúc, ngược lại, ở khu vực nghiên cứu và tưởng niệm cần có sự yên tĩnh đáng kể để đưa không gian kiến trúc chìm vào cảm xúc người tham gia công trình

Giao thông tiếp cận ảnh hưởng đến việc lựa chọn lối vào chính và phụ cho công trình. Khu đất chỉ có 1 lối tiếp cận và đường có độ dốc nen việc thiết kế vừa có lợi và hại để thiết kế trong đồ án, nên việc tạo địa hình cảnh quan cần phải cân nhăc.

Công trình hài hòa và tương tác với bối cảnh xung quanh thông qua việc sử dụng mảng xanh và mặt nước để tạo sự chuyển tiếp đến với công trình. Khi đó, công trình có một bước đệm nhẹ nhàng khi di chuyển từ đường phố vào công trình thay vì bị ngăn chia quá rõ ràng bên trong và bên ngoài công trình

Khi đánh giá trục công trình, các yếu tố trên cũng phù hợp với **trục chính của khu đất** tạo nên một dải cảnh quan liên tục bên sông.

3.3.8 Thiết kế hòa hợp bối cảnh

Phương án quy hoạch tổng mặt bằng tận dụng và thích ứng với hình dạng của khu đất, không cố gắng tạo ra một hình khối áp đặt mà để công trình "ôm" lấy địa hình. Điều này giúp giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên và tạo cảm giác công trình "mọc lên" từ chính mảnh đất lịch sử.

Các yếu tố mặt nước (ao, hồ nhân tạo, kênh cảnh quan) sẽ được tích hợp một cách chiến lược trong tổng mặt bằng. Chúng không chỉ đóng vai trò điều hòa vi khí hậu mà còn gợi nhớ về những con thác, suối ở hồ du lịch của vùng cao đã gắn liền với đời sống sinh hoạt từ bao đời, nên yếu tố này là điều quen thuộc cũng như gần gũi với đời sống.

Cây xanh không chỉ là yếu tố cảnh quan mà còn là biểu tượng của rừng, với một bối cảnh thiên nhiên đại ngàn ôm ấp, che chở của mẹ thiên nhiên thì mọi việc đều sẽ suôn sẻ, thuận buồm xuôi gió.

Tổng mặt bằng được thiết kế để tạo ra các "nút" hoặc "điểm giao" quan trọng, nơi các chức năng khác nhau của công trình gặp nhau. Đây cũng là những điểm chuyển tiếp cảm xúc

3.3.9 Hình thành không gian.

Kết quả của phương án quy hoạch tổng mặt bằng là sự cộng hưởng từ những yếu tố đã đề cập để hình thành nên một thiết kế phù hợp nhất với bối cảnh địa phương.

Phương án chính là sự thử và sai qua quá trình đưa ra các ý tưởng để làm công trình hòa hợp với bối cảnh nhất.



Hình 17. Phối cảnh không gian tổng thể

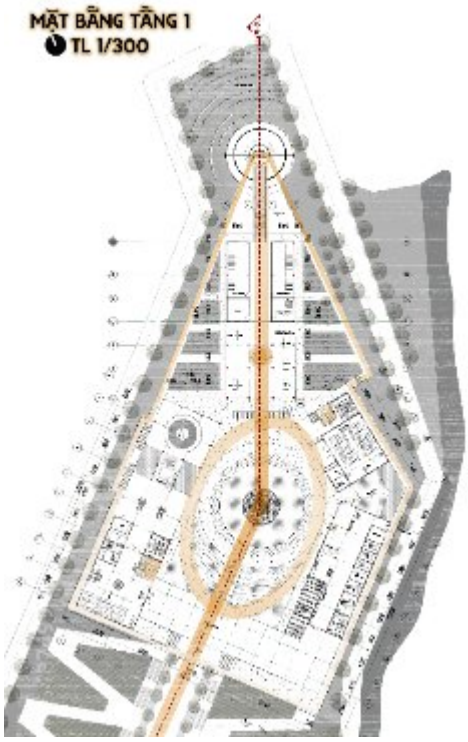
3.4 Giải pháp tổ chức không gian

Giải pháp tổ chức không gian của công trình được hình thành dựa trên một **trục dẫn dắt xuyên suốt**, vừa đóng vai trò định hướng giao thông, vừa kiến tạo một hành trình cảm xúc gắn với bản sắc văn hóa A Lưới. Không gian không được sắp xếp đơn thuần theo yêu cầu chức năng mà được tổ chức theo trình tự trải nghiệm, đưa người sử dụng đi từ sự cởi mở của đời sống cộng đồng đến chiều sâu của ký ức và sự chiêm nghiệm.

Từ cổng đón, người tham quan tiếp cận công trình thông qua tuyến cảnh quan trung tâm được bao bọc bởi hệ cây xanh, đóng vai trò như một khoảng đệm chuyển tiếp giữa thiên nhiên và kiến trúc. Trục tiếp cận này dẫn dắt người sử dụng đến quảng trường trung tâm được hạ thấp cốt nền, nơi được xem là "trái tim" của toàn bộ công trình. Với hình thức vòng tròn đồng tâm gợi liên tưởng đến bếp lửa cộng đồng – biểu tượng của sự sum họp trong đời sống các dân tộc vùng cao – quảng trường trở thành không gian hội tụ, diễn ra các hoạt động lễ hội, giao lưu văn hóa và sinh hoạt cộng đồng.

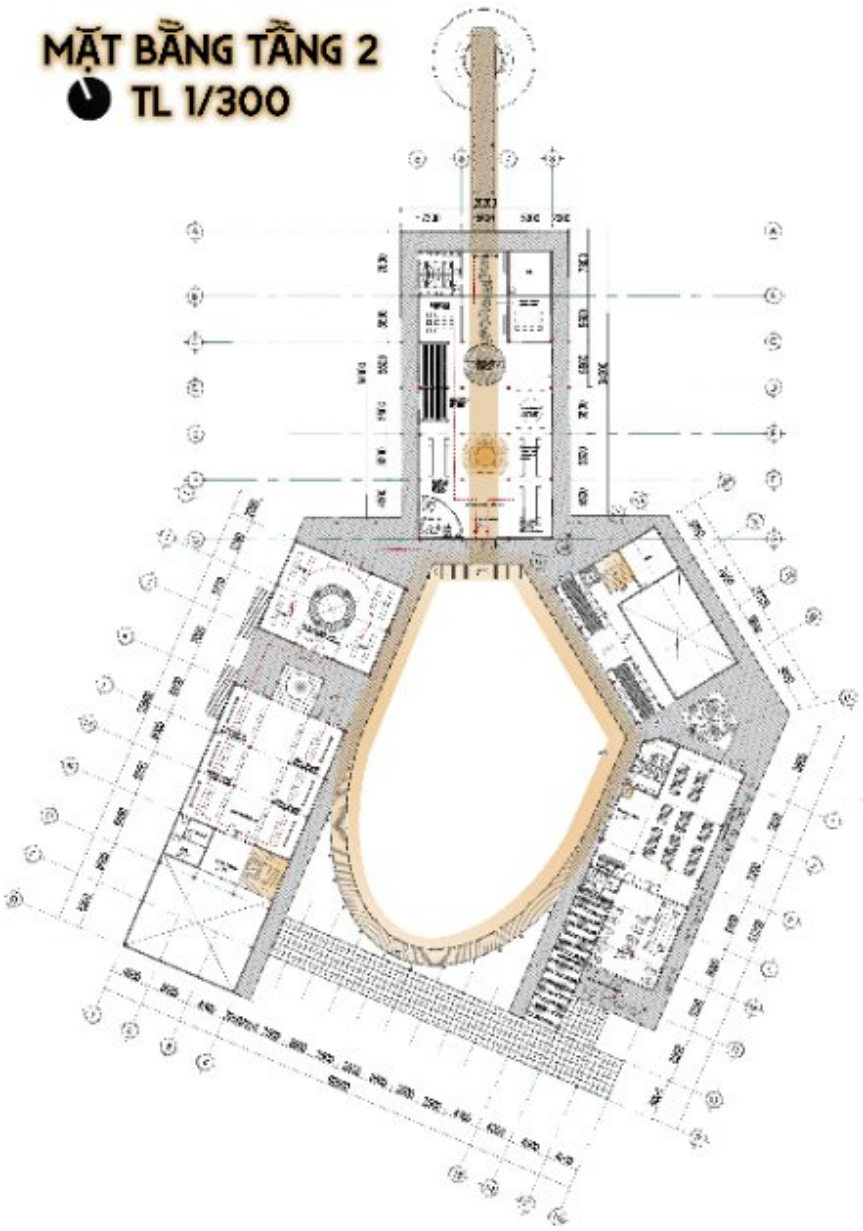
Bao quanh quảng trường là các khối chức năng chính như tiếp đón, trưng bày, hội trường, thư viện, dịch vụ và hành chính. Các khối được bố trí theo nguyên tắc phân

tán nhưng liên kết, gợi nhớ cấu trúc quây quần của làng bản truyền thống, vừa tạo nên tính độc lập trong khai thác sử dụng, vừa duy trì sự kết nối thông qua khoảng sân chung ở trung tâm. Cách tổ chức này không chỉ đảm bảo tính thuận tiện trong vận hành mà còn góp phần tái hiện tinh thần cộng đồng đặc trưng của cư dân A Lưới.



Hình 18. Tổ chức không gian tầng 1

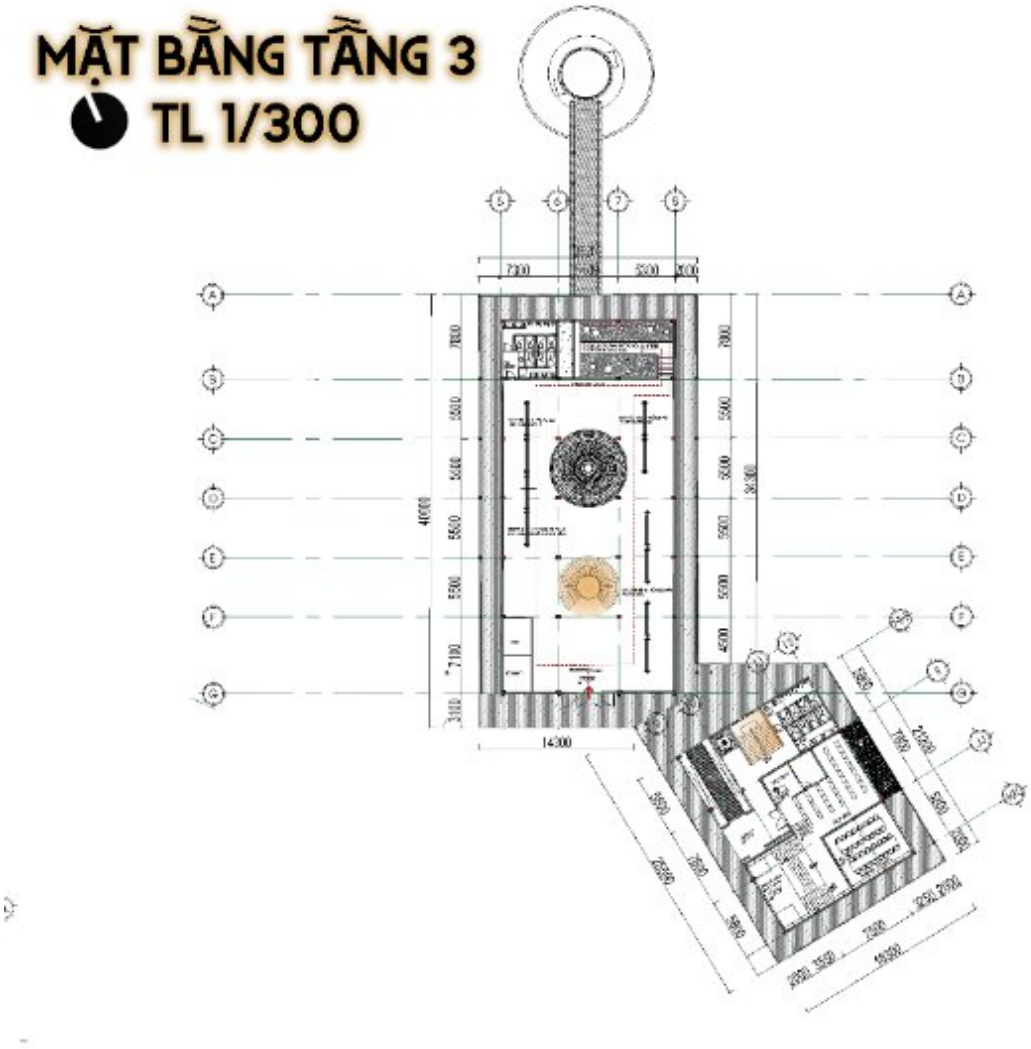
Theo phương đứng, không gian được phát triển như một hành trình nhận thức. Tầng một ưu tiên cho các hoạt động mang tính công cộng và tương tác cao, tạo điều kiện để người sử dụng tiếp cận, gặp gỡ và tham gia vào các hoạt động văn hóa. Khi di chuyển lên các tầng trên, nhịp điệu không gian dần thay đổi, từ những không gian trưng bày, học tập và trải nghiệm văn hóa đến các không gian tưởng niệm và tri ân mang tính nội tâm hơn. Sự chuyển biến này giúp người tham quan từng bước khám phá các giá trị vật thể và phi vật thể của địa phương, đồng thời cảm nhận được chiều sâu lịch sử và ký ức của vùng đất A Lưới.



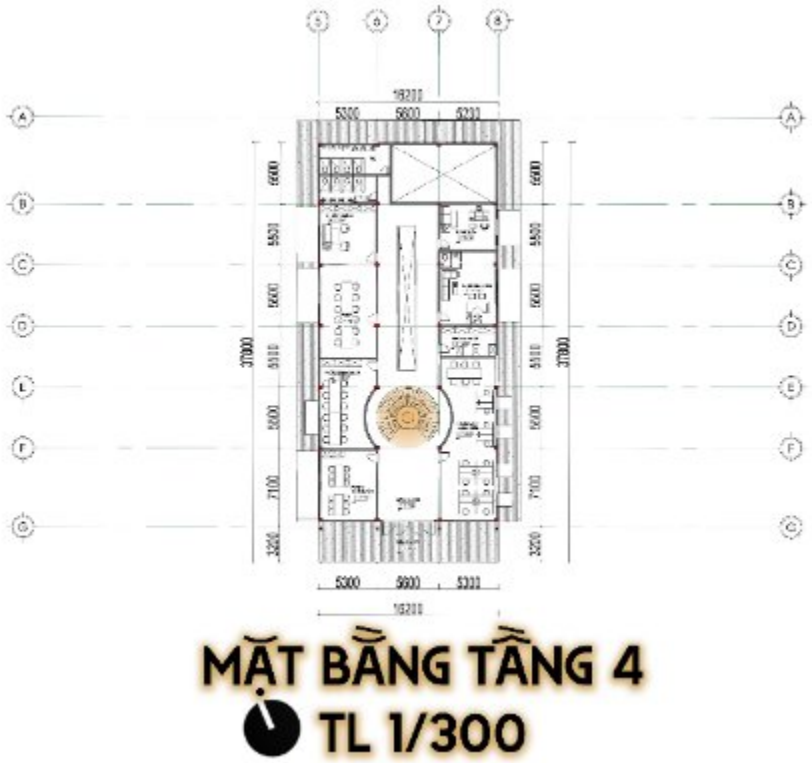
Hình 19. Tổ chức không gian tầng 2

Không gian càng lên cao thì sự riêng tư càng tăng nên việc dành tầng trên cùng để phục vụ cho công tác hành chính là điều cần thiết.

Các không gian được sắp xếp theo lớp layer chuyển dần từ sự tiếp cận thoải mái, phục vụ công cộng đến sự riêng tư hơn nhằm đảm bảo không gian chuyển tiếp giữa động và tĩnh.

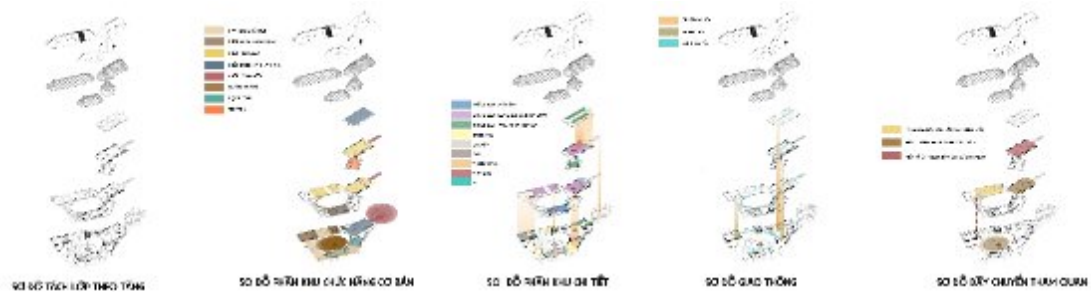


Hình 20. Tổ chức không gian tầng 3



Hình 21. Tổ chức không gian tầng 4

Điểm kết thúc của hành trình là các không gian mang tính biểu tượng và chiêm nghiệm ở tầng cao, nơi mở ra những khoảng nhìn hướng về cảnh quan núi rừng xung quanh. Đây không chỉ là điểm dừng chân về mặt vật lý mà còn là điểm lắng đọng về cảm xúc, thể hiện quan niệm về sự kết nối giữa con người với thiên nhiên, cộng đồng với cội nguồn, hiện tại với quá khứ. Thông qua giải pháp tổ chức không gian này, công trình hướng đến việc tạo dựng một trung tâm văn hóa không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng mà còn trở thành một hành trình trải nghiệm, nơi mỗi bước di chuyển đều góp phần kể lại câu chuyện về con người, lịch sử và tinh thần của đại ngàn A Lưới.



Hình22. Sơ đồ tổ chức không gian

3.5 Giải pháp thiết kế mặt đứng

Giải pháp thiết kế mặt đứng được hình thành trên cơ sở chuyển hóa tinh thần của kiến trúc nhà Gươl truyền thống thành ngôn ngữ kiến trúc đương đại. Thay vì sao chép nguyên mẫu, đề tài lựa chọn chắt lọc những đặc trưng tiêu biểu như hình thái mái dốc lớn, tỷ lệ kiến trúc, tính mở và hệ hoa văn trang trí để tạo nên hình ảnh nhận diện cho công trình.

Hình khối tổng thể được nhấn mạnh bởi hệ mái lớn có độ dốc cao, gợi liên tưởng đến mái nhà Gươl – biểu tượng của sự hội tụ và gắn kết cộng đồng trong đời sống của đồng bào vùng cao A Lưới. Mái được kéo dài với phần hiên rộng, vừa tạo cảm giác che chở và gần gũi, vừa góp phần giảm bức xạ mặt trời và hạn chế ảnh hưởng của mưa lớn đặc trưng vùng núi. Tỷ lệ mái lớn kết hợp với phần đế thấp giúp công trình hòa nhập với cảnh quan xung quanh, tạo cảm giác vững chãi nhưng không áp đặt lên thiên nhiên.

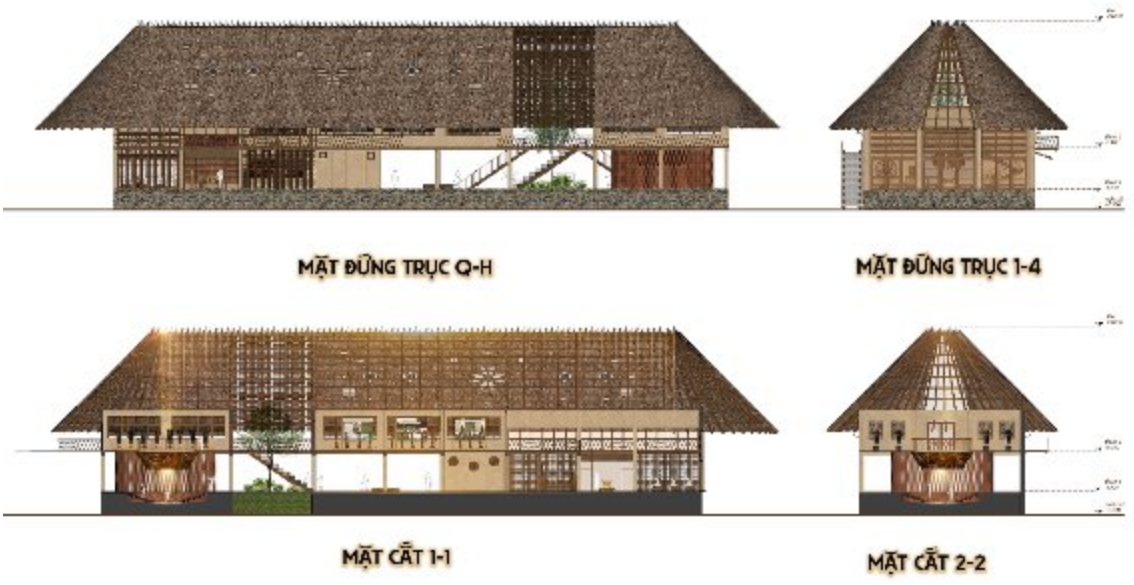
Mặt đứng được tổ chức theo nguyên tắc "đặc – rỗng" đan xen. Các khoảng mở lớn tại tầng trệt giúp tăng cường sự kết nối giữa không gian bên trong và cảnh quan bên ngoài, tạo nên tính công cộng và sự thân thiện trong tiếp cận. Trong khi đó, lớp bao che phía trên được xử lý bằng hệ lam và các mảng hoa văn lấy cảm hứng từ họa tiết dệt Zèng truyền thống. Giải pháp này vừa tạo hiệu ứng thẩm mỹ và bản sắc địa phương, vừa đóng vai trò như lớp lọc ánh sáng và thông gió tự nhiên cho công trình.

Tại các đầu hồi, hình thức mái được nhấn mạnh bằng các khoảng lấy sáng theo phương đứng, đưa ánh sáng tự nhiên vào sâu bên trong không gian trung tâm, đồng thời tạo nên điểm nhấn thị giác cho công trình khi quan sát từ xa. Sự kết hợp giữa ánh sáng, vật liệu và các lớp bao che giúp mặt đứng thay đổi cảm nhận theo thời gian trong ngày, mang lại chiều sâu và tính biểu cảm cho kiến trúc.

Về vật liệu, công trình ưu tiên sử dụng các chất cảm gợi nhớ đến kiến trúc bản địa như gỗ, tre, đá và các tông màu đất tự nhiên. Những yếu tố này không chỉ góp

phần tạo nên sự ấm áp và gần gũi mà còn thể hiện tinh thần thủ công, phản ánh tri thức xây dựng truyền thống của cộng đồng địa phương.

Thông qua các giải pháp trên, mặt đứng công trình không chỉ đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ và thích ứng khí hậu mà còn trở thành phương tiện biểu đạt bản sắc văn hóa A Lưới, nơi tinh thần của mái nhà Gươl, hoa văn dệt Zèng và hơi thở của đại ngàn được tái hiện bằng ngôn ngữ kiến trúc đương đại.



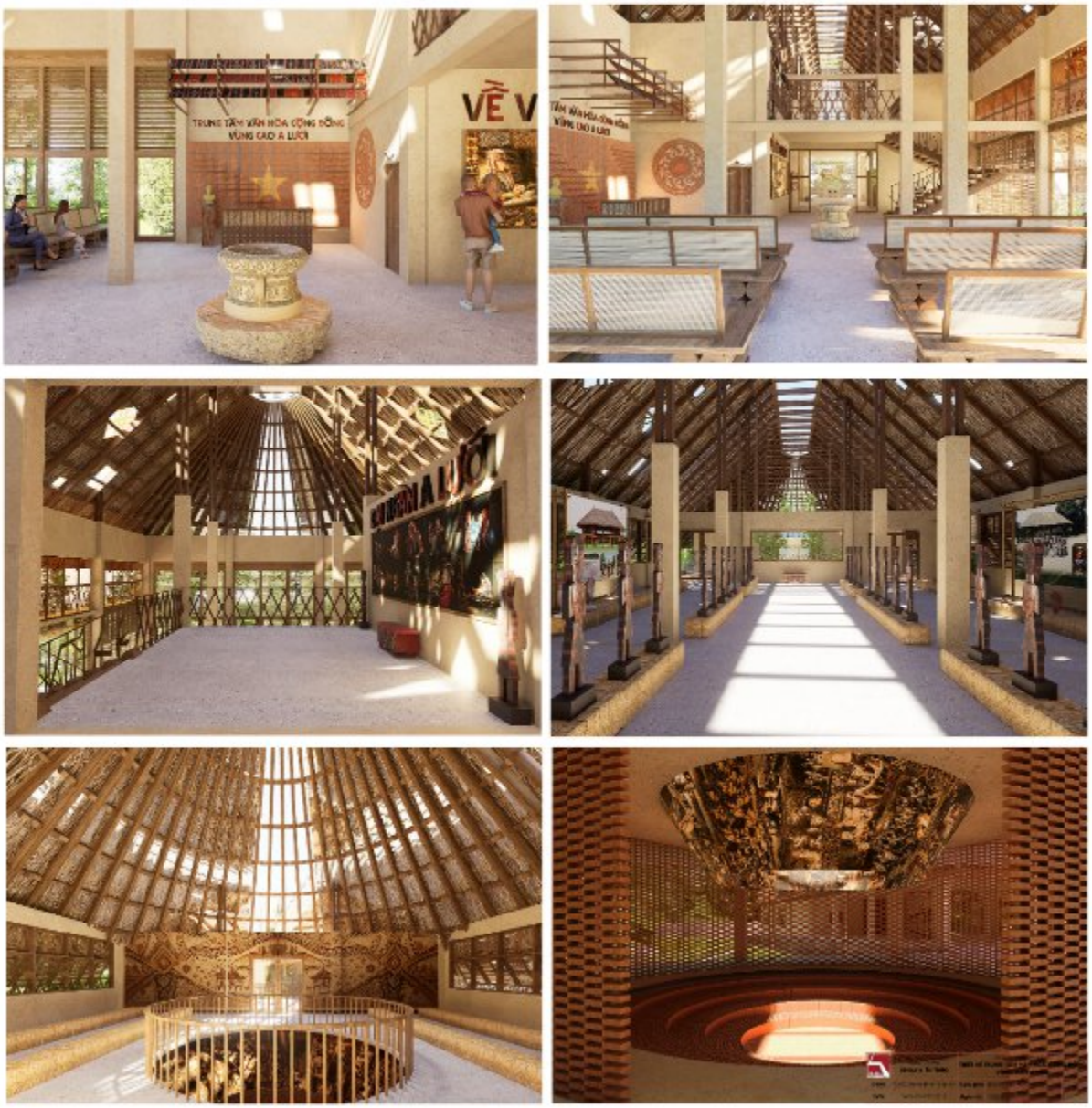
Hình 23. Phương án thiết kế

3.6 Giải pháp trang trí nội thất

Giải pháp trang trí nội thất của công trình được định hướng theo tinh thần **"bản địa trong hình thức đương đại"**, không tái hiện một cách sao chép kiến trúc truyền thống mà chắt lọc những giá trị đặc trưng của văn hóa A Lưới để chuyển hóa thành ngôn ngữ thiết kế phù hợp với nhu cầu sử dụng hiện đại. Nội thất trở thành một lớp kể chuyện, nơi người sử dụng có thể cảm nhận được bản sắc văn hóa thông qua chất liệu, ánh sáng, hoa văn và cách tổ chức không gian.

Các yếu tố trang trí được lấy cảm hứng từ **nhà Gươl truyền thống**, nghệ thuật **dệt Zèng**, nghề thủ công bản địa và quan niệm sống gắn bó với núi rừng của đồng bào Pa Cô, Tà Ôi, Cơ Tu và Pa Hy. Hình ảnh hoa văn Zèng được cách điệu và ứng dụng trên các vách ngăn, lam trang trí, trần, tay vịn và các chi tiết nội thất nhằm tạo

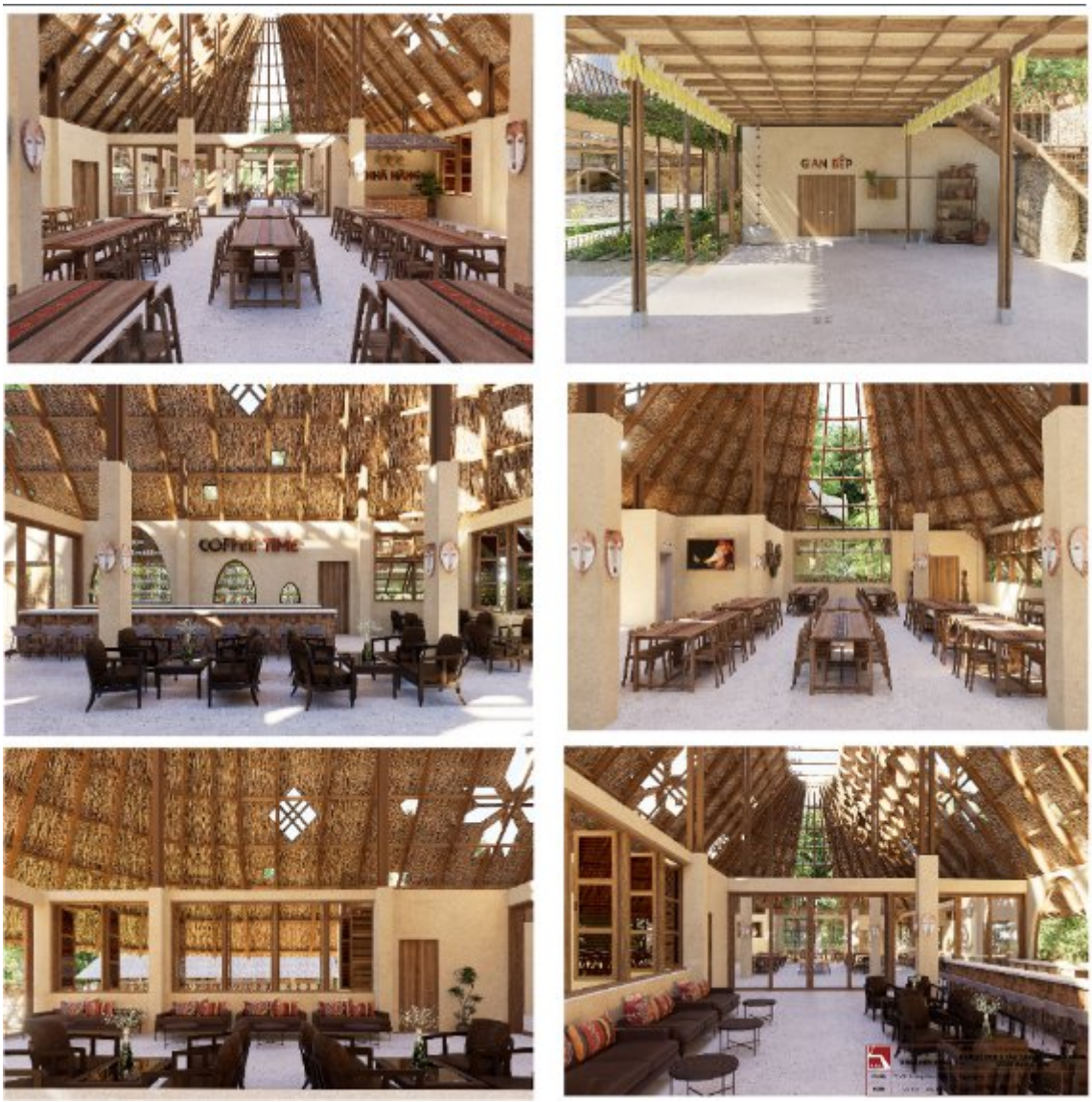
điểm nhấn nhận diện, đồng thời góp phần lưu giữ những giá trị văn hóa phi vật thể của địa phương.



Hình 24. Không gian nội thất khối đón tiếp

Về vật liệu, công trình ưu tiên sử dụng các chất liệu mang cảm giác mộc mạc và gần gũi như gỗ, tre, đá tự nhiên, mây đan và các bề mặt hoàn thiện có gam màu đất. Việc sử dụng vật liệu không chỉ hướng đến giá trị thẩm mỹ mà còn tạo nên chất cảm ấm áp, gợi nhớ đến không gian sinh hoạt truyền thống của cộng đồng vùng cao. Sự kết hợp giữa vật liệu bản địa và các giải pháp thi công hiện đại giúp nội thất vừa đáp ứng yêu cầu bền vững, vừa Giải pháp trang trí nội thất của công trình được định hướng theo tinh thần **"bản địa trong hình thức đương đại"**, không tái hiện một cách sao chép kiến trúc truyền thống mà chắt lọc những giá trị đặc trưng của văn hóa A Lưới để chuyển hóa thành ngôn ngữ thiết kế phù hợp với nhu cầu sử dụng hiện đại. Nội thất trở thành một lớp kể chuyện, nơi người sử dụng có thể cảm nhận được bản sắc văn hóa thông qua chất liệu, ánh sáng, hoa văn và cách tổ chức không gian.

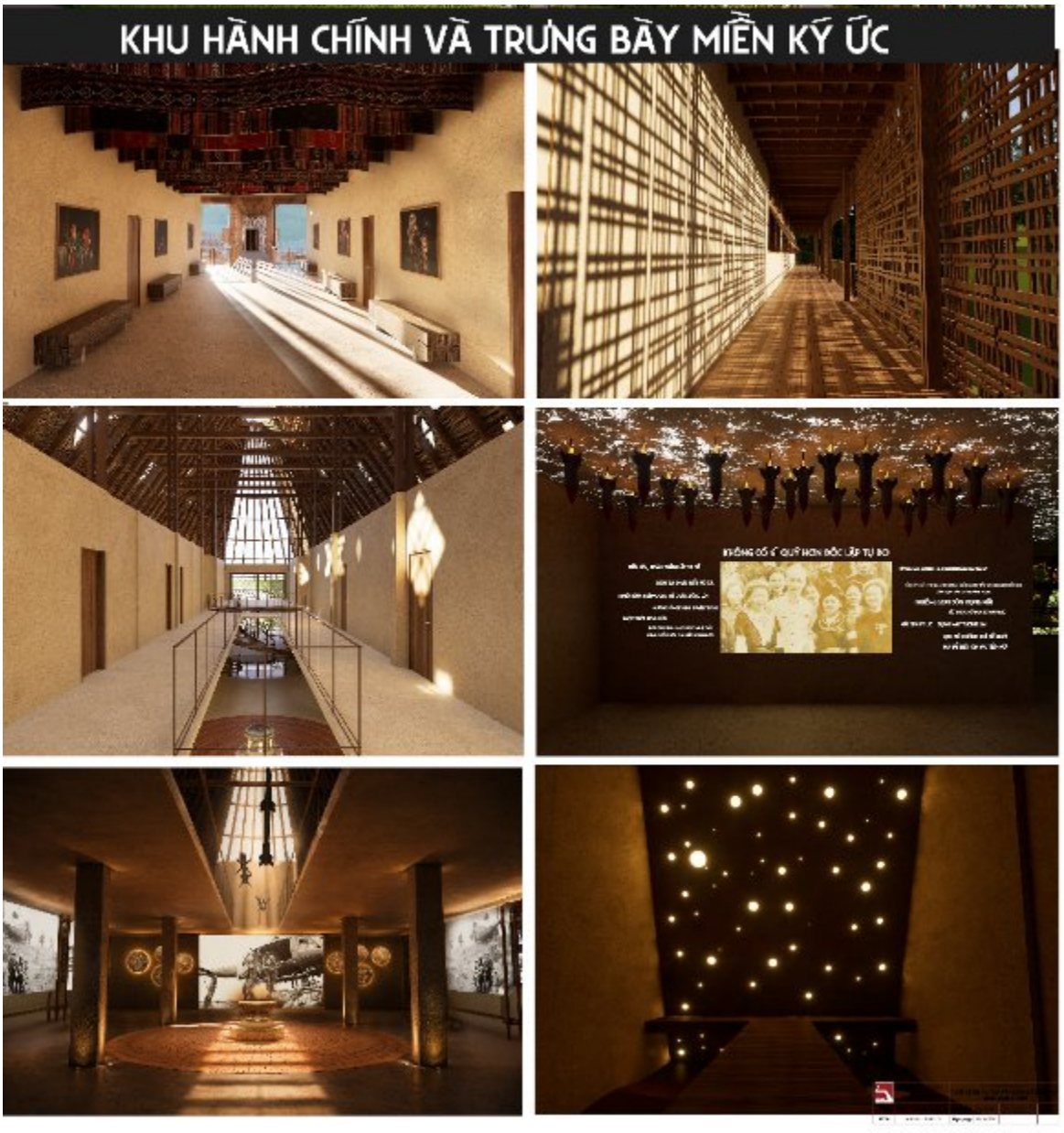
Các yếu tố trang trí được lấy cảm hứng từ **nhà Gươl truyền thống**, nghệ thuật **dệt Zèng**, nghề thủ công bản địa và quan niệm sống gắn bó với núi rừng của đồng bào Pa Cô, Tà Ôi, Cơ Tu và Pa Hy. Hình ảnh hoa văn Zèng được cách điệu và ứng dụng trên các vách ngăn, lam trang trí, trần, tay vịn và các chi tiết nội thất nhằm tạo điểm nhấn nhận diện, đồng thời góp phần lưu giữ những giá trị văn hóa phi vật thể của địa phương.



Hình 25. Không gian khối dịch vụ nhà hàng

Ánh sáng nội thất được khai thác như một yếu tố tạo cảm xúc. Bên cạnh hệ thống chiếu sáng nhân tạo phục vụ công năng, ánh sáng tự nhiên được dẫn vào không gian thông qua các khoảng lấy sáng trên mái, khe mở và lớp lam bao che. Sự thay đổi của ánh sáng trong ngày giúp không gian trở nên sinh động, đồng thời tạo nên những khoảng sáng – tối giàu chiều sâu, gợi liên tưởng đến ánh lửa bập bùng trong nhà Gươl – trung tâm sinh hoạt của cộng đồng.

Đối với các không gian trưng bày, nội thất được thiết kế linh hoạt nhằm đáp ứng nhiều hình thức giới thiệu hiện vật khác nhau, từ hiện vật truyền thống, hình ảnh tư liệu đến trình chiếu đa phương tiện. Các khu vực trải nghiệm được bố trí đan xen nhằm khuyến khích sự tương tác của người tham quan với văn hóa địa phương, thay vì chỉ dừng lại ở việc quan sát thụ động.



Mỗi một không gian chuyên đề riêng biệt đều nhằm mong muốn gợi tả những cảnh chiến trường ác liệt năm xưa, với những chiến công lừng lẫy, với những mất mát thương đau cũng như những công lao to lớn đời đời ghi nhớ công ơn, mỗi khoảnh khắc đều amng những giá trị riêng biệt.



Hình27. Không gian trưng bày miền Di sản

Thông qua giải pháp trang trí nội thất, công trình không chỉ tạo dựng một môi trường sử dụng tiện nghi và hiện đại mà còn góp phần tái hiện tinh thần văn hóa A Lưới một cách tinh tế. Mỗi chi tiết nội thất đều hướng đến việc khơi gợi ký ức cộng đồng, tôn vinh giá trị thủ công truyền thống và mang đến cho người sử dụng cảm giác được sống trong một không gian vừa thân thuộc, vừa giàu bản sắc giữa bối cảnh đương đại.

3.7 Giải pháp thiết kế cảnh quan

3.7.1 Tổng quan

Giải pháp cảnh quan của công trình được tổ chức theo nguyên tắc **phân lớp trải nghiệm**, tái hiện mối quan hệ gắn bó giữa con người A Lưới với thiên nhiên, sản xuất và đời sống tinh thần. Thay vì tạo lập một cảnh quan mang tính trang trí đơn thuần, đề tài định hướng xây dựng một hành trình cảm xúc, nơi mỗi lớp không gian đều mang một ý nghĩa văn hóa riêng, dẫn dắt người sử dụng từng bước khám phá bản sắc của vùng đất đại ngàn.

3.7.2 Lớp không gian

Lớp 1 – Không gian chuyển tiếp và tiếp cận:
Lớp cảnh quan đầu tiên được hình thành từ hệ rừng thông kết hợp với các lối dạo lát đá dẫn vào công trình. Hai bên tuyến đường được bố trí các cụm cây bụi và thảm thực vật mọc tự nhiên, tạo cảm giác như đang bước vào khu rừng nguyên sinh của A Lưới. Đây là khoảng đệm giữa cuộc sống thường nhật và không gian văn hóa bên trong, giúp du khách dần tách khỏi sự ồn ào để chuẩn bị cho hành trình trải nghiệm. Những lối đi lát đá không chỉ đảm bảo giao thông mà còn tạo nên nhịp điệu chậm rãi, khuyến khích sự quan sát và cảm nhận cảnh quan.

Lớp 2 – Không gian hội tụ cộng đồng:
Tiến sâu hơn vào công trình là quảng trường trung tâm – nơi diễn ra các hoạt động lễ hội, giao lưu và sinh hoạt cộng đồng. Bao quanh quảng trường là những dải hoa cải vàng được bố trí như một lớp cảnh quan mềm mại, mang lại sắc màu và sức sống cho không gian. Hình ảnh hoa cải nở theo mùa gợi cảm giác gần gũi, mộc mạc của miền sơn cước, đồng thời tạo nên điểm nhấn thị giác, làm nổi bật tính chất hội tụ và gắn kết của quảng trường.

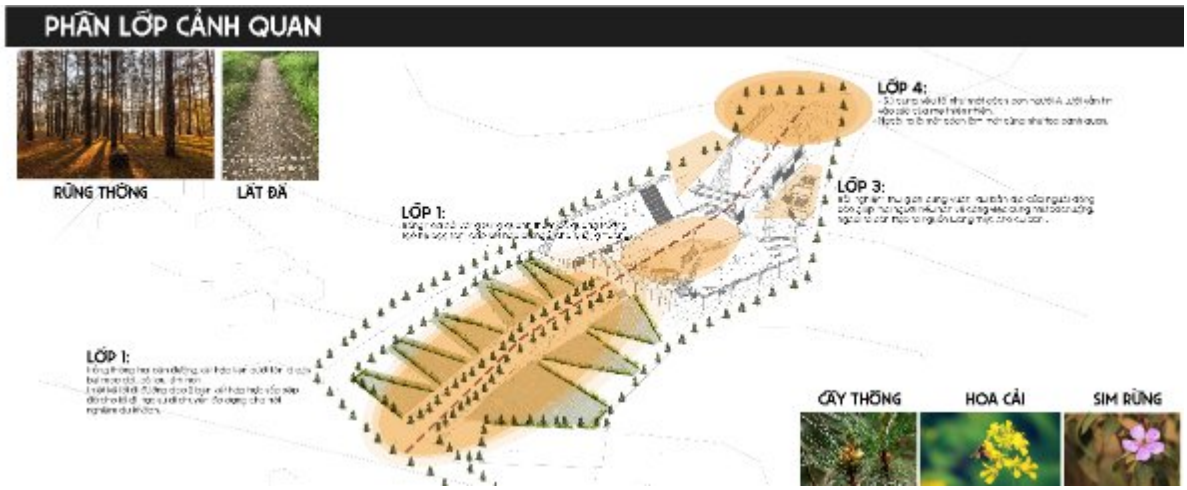
Lớp 3 – Không gian sản xuất và đời sống:
Hai bên công trình là khu vườn rau bản địa, tái hiện hình ảnh lao động sản xuất gắn liền với đời sống thường nhật của cư dân vùng cao. Đây không chỉ là yếu tố cảnh quan mà còn là không gian giáo dục và trải nghiệm, giúp người tham quan hiểu hơn về tri thức canh tác, tập quán sinh hoạt và sự phụ thuộc hài hòa của con người vào tự nhiên. Những luống rau trở thành biểu tượng cho sự sinh sôi, nuôi dưỡng và tính cộng sinh trong văn hóa bản địa.

Lớp 4 – Không gian tĩnh tâm và chiêm nghiệm:
Điểm kết thúc của hành trình là hồ nước tĩnh lặng kết hợp với những cụm hoa sim rừng. Trong ký ức của nhiều thế hệ người dân miền núi, hoa sim là loài hoa gắn với núi đồi và những miền ký ức sâu lắng. Mặt nước phẳng lặng phản chiếu bầu trời và cảnh quan xung quanh, tạo nên một không gian tĩnh tại để nghỉ ngơi, suy ngẫm và

Hình 35. Sơ đồ minh hoạ phân lớp cảnh quan

kết nối với chính mình. Đây là lớp cảnh quan mang tính tinh thần, khép lại hành trình bằng cảm giác bình yên và lắng đọng.

Thông qua giải pháp phân lớp cảnh quan này, công trình không chỉ tạo nên một môi trường sinh thái gần gũi với thiên nhiên mà còn kể lại câu chuyện về đời sống của cộng đồng A Lưới. Từ rừng thông đại ngàn, quảng trường hội tụ, khu vườn sản xuất đến hồ tĩnh tâm, mỗi lớp cảnh quan đều góp phần dẫn dắt cảm xúc, giúp người sử dụng cảm nhận trọn vẹn tinh thần **cộng sinh – bản địa – trú ẩn** mà đồ án hướng tới.



Với mong muốn tái hiện lại một bối cảnh mang tính bản địa với nhiều tầng lớp cảm xúc từ ngoài vào trong mang một cảm giác trú ẩn trong một ngôi rừng được mẹ thiên nhiên bao bọc, từ đó con người ở đây được sống, làm việc và học tập cũng như gắn kết tinh thần cộng đồng bản làng.



Hình 28. Không gian cảnh quan

3.8 Giải pháp kỹ thuật công trình

Giải pháp kết cấu:

- Hệ kết cấu chính: Sử dụng hệ kết cấu mái nhà gỗ truyền thống bản địa cùng với kết hợp tạo điểm nhấn chính là chịu lwujc cho công trình

- Hệ tường: Liên kết trực tiếp với hệ mái chính, tạo ngôn ngữ thống nhất cho công trình. Sử dụng chủ yếu là gạch, gạch thông gió và kính để đảm bảo thông gió và chiều sản nhiên trong công trình. Đặc biệt là hỗ trợ đòi lưu không khí bên trong công trình vốn có thể tích lớn

- Giải pháp chiếu sáng, thông gió, điều hòa không khí

DIAGRAM

HỆ KHUNG MÁI



HỆ KHUNG MÁI



TẦNG 4



TẦNG 3



TẦNG 2



TẦNG 1



Hình 29. Sơ đồ bóc tách công trình

- Hệ lam bao che giúp thông gió, chiếu sáng tối ưu: Sử dụng hệ lam đứng liên tục bao quanh công trình để tạo ngôn ngữ thống nhất mà không ảnh hưởng đến việc mô các ô cửa lấy sáng từ hệ tường. Đồng thời hỏ trợ việc chống nóng và giảm bớt sự ảnh hưởng của nắng hướng Tây - Đông vào công trình và được đảm bảo kết cấu chịu lực bằng phương pháp đổ bê tông tại chỗ theo từng giai đoạn kết hợp hệ khung thép đỡ trong giai đoạn thi công

- Hệ mái: Sử dụng hệ mái truyền thống để giữa được tinh thần nhà truyền thống.

- Giải pháp cấp thoát nước

- Hệ thống cấp nước trực tiếp từ mạng lưới đô thị: Kèm theo bể chứa nước ngầm và bể mái (nếu cần) để đảm bảo áp lực và dự trữ.

- Hệ thống thoát nước cho các khu vực sân vườn, mái xanh: Đảm bảo thoát nước hiệu quả, tránh ngập úng.

- Hệ thống thoát nước ngầm: Để kiểm soát mực nước ngầm, đặc biệt nếu có các tầng hầm hoặc gần khu vực hồ/sông.

- Giải pháp an toàn PCCC

- Phân vùng cháy (Fire Compartmentation): Chia công trình thành các khoang cháy độc lập bằng tường và sàn chống cháy, cửa chống cháy, để hạn chế sự lây lan của đám cháy.

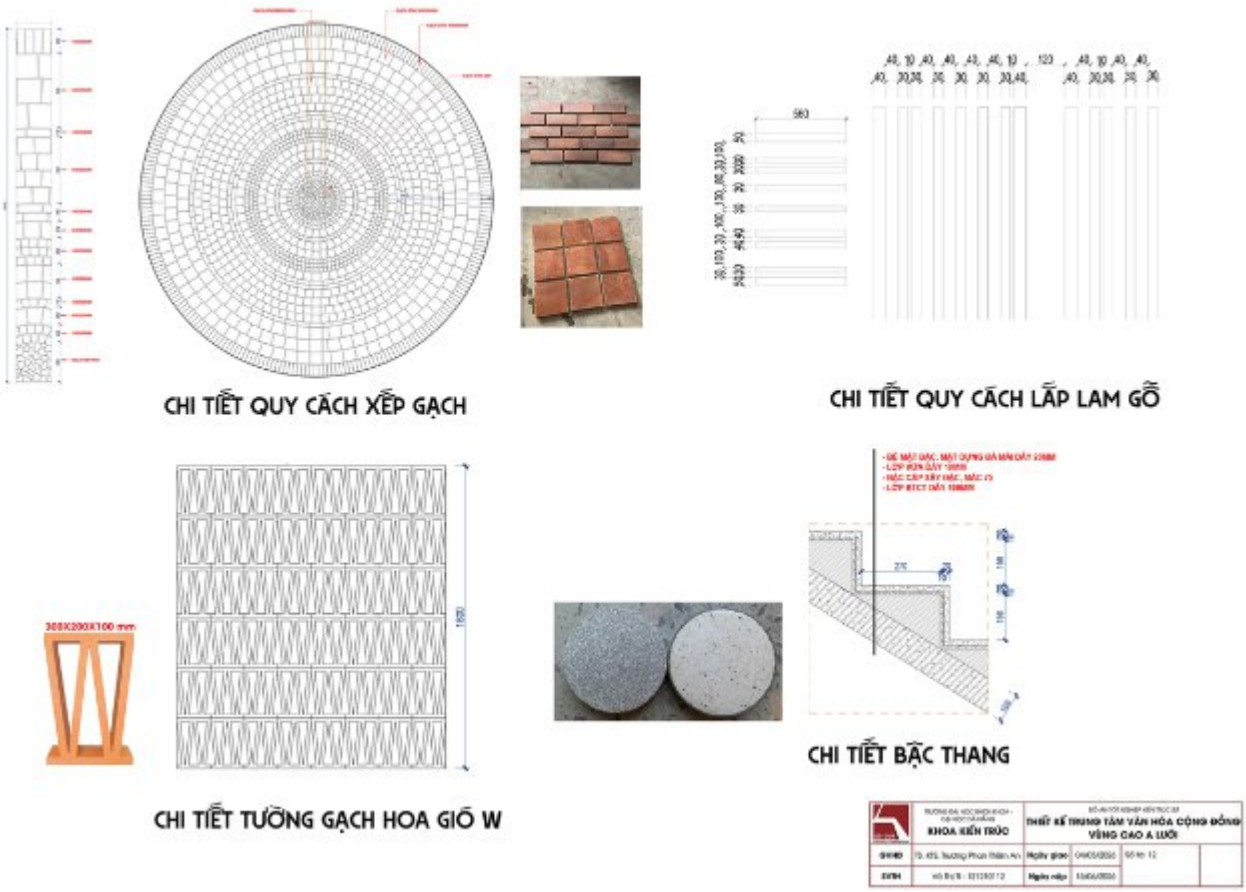
- Hệ thống báo cháy tự động: Cảm biến khói, nhiệt, chuông báo động, kết nối với trung tâm điều khiển PCCC.

- Lối thoát hiểm và cầu thang thoát hiểm đạt tiêu chuẩn: Rộng rãi, không bị cản trở, có đèn chiếu sáng sự cố và biển chỉ dẫn thoát hiểm rõ ràng.

- Buồng thang thoát hiểm chống cháy (Pressurized Stairwells): Có hệ thống quạt tạo áp suất dương để ngăn khói xâm nhập.

- Lối ra thoát hiểm được thiết kế thông thoáng: Dẫn ra các khu vực an toàn ngoài trời.

- Các chi tiết cấu tạo :



Hình30. Chi tiết cấu tạo

4 KẾT LUẬN

Đồ án **Trung tâm Văn hóa cộng đồng vùng cao A Lưới** được nghiên cứu và đề xuất với mong muốn góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc Pa Cô, Tà Ôi, Cơ Tu và Pa Hy trong bối cảnh đương đại. Thông qua quá trình khảo sát thực tiễn, nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, văn hóa bản địa, kiến trúc truyền thống và nhu cầu phát triển của địa phương, đề tài đã đưa ra giải pháp kiến trúc hướng đến sự hài hòa giữa bảo tồn bản sắc và đáp ứng những yêu cầu sử dụng mới của xã hội hiện đại.

Công trình không chỉ được định hướng là một thiết chế văn hóa phục vụ các hoạt động trưng bày, giao lưu, học tập và sinh hoạt cộng đồng, mà còn là một không gian kể chuyện, nơi lưu giữ ký ức, tái hiện đời sống và tôn vinh những giá trị tinh thần của vùng đất A Lưới. Giải pháp tổ chức không gian theo hành trình trải nghiệm cảm xúc, từ tiếp cận – hội tụ – khám phá – chiêm nghiệm, cùng với việc vận dụng các yếu tố kiến trúc bản địa như hình thái mái nhà Gươl, hoa văn dệt Zèng, vật liệu địa phương và quan niệm vạn vật hữu linh đã góp phần tạo nên một ngôn ngữ kiến trúc mang đậm dấu ấn địa phương nhưng vẫn phù hợp với bối cảnh đương đại.

Bên cạnh đó, việc tổ chức cảnh quan theo các lớp trải nghiệm từ rừng thông, quảng trường cộng đồng, vườn bản địa đến hồ tĩnh tâm không chỉ nâng cao chất lượng không gian mà còn phản ánh mối quan hệ cộng sinh giữa con người với thiên nhiên – một giá trị cốt lõi trong đời sống của cư dân vùng cao. Đồ án hướng đến một công trình kiến trúc có khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu, gắn kết cộng đồng và góp phần thúc đẩy phát triển văn hóa – du lịch bền vững cho địa phương.

Mặc dù còn những hạn chế nhất định về thời gian nghiên cứu, phạm vi tiếp cận và mức độ triển khai kỹ thuật, đề tài vẫn là cơ hội để người thực hiện vận dụng kiến thức chuyên môn, đồng thời nâng cao nhận thức về trách nhiệm của người kiến trúc sư trong việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc thông qua thiết kế kiến trúc. Hy vọng rằng những nghiên cứu và đề xuất của đồ án sẽ trở thành nguồn tư liệu tham khảo cho các định hướng phát triển thiết chế văn hóa cộng đồng tại A Lưới nói riêng và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung trong tương lai.

Sau cùng, đồ án mong muốn gửi gắm một thông điệp rằng: **kiến trúc không chỉ tạo dựng nên những công trình để sử dụng, mà còn là phương tiện lưu giữ ký ức, kết nối cộng đồng và đánh thức những giá trị văn hóa đang dần bị lãng quên. Giữa nhịp sống hiện đại, Trung tâm Văn hóa cộng đồng vùng cao A Lưới được kỳ vọng sẽ trở thành nơi "giữ lửa" cho bản sắc đại ngàn, để tiếng vọng của núi rừng tiếp tục được lắng nghe và truyền lại cho các thế hệ mai sau.**

4.2 Các kết quả chính của đồ án

Qua quá trình nghiên cứu và thiết kế, đồ án đã đạt được một số kết quả chính như sau:

Nghiên cứu và hệ thống hóa cơ sở lý luận về trung tâm văn hóa cộng đồng, kiến trúc bản địa vùng dân tộc thiểu số và các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành không gian văn hóa tại A Lưới.

Khảo sát, phân tích đặc điểm địa phương, bao gồm điều kiện tự nhiên, khí hậu, địa hình, cảnh quan, đời sống kinh tế – xã hội và những giá trị văn hóa đặc trưng của cộng đồng các dân tộc Pa Cô, Tà Ôi, Cơ Tu và Pa Hy.

Đề xuất ý tưởng và quan điểm thiết kế dựa trên ba giá trị cốt lõi: **cộng sinh – bản địa – trú ẩn**, nhằm tạo nên một không gian vừa gìn giữ bản sắc văn hóa, vừa đáp ứng nhu cầu sử dụng trong bối cảnh hiện đại.

Xây dựng giải pháp tổ chức không gian theo hành trình cảm xúc, dẫn dắt người sử dụng từ không gian tiếp cận, hội tụ cộng đồng, trải nghiệm văn hóa đến không gian tưởng niệm và chiêm nghiệm, góp phần kể lại câu chuyện về vùng đất và con người A Lưới.

Đề xuất giải pháp kiến trúc mang tính bản địa đương đại, thông qua việc chuyển hóa hình ảnh mái nhà Gươl, hoa văn dệt Zèng, vật liệu địa phương và các nguyên tắc thích ứng khí hậu vào ngôn ngữ thiết kế.

Tổ chức cảnh quan theo các lớp trải nghiệm, gồm rừng thông tiếp cận, quảng trường trung tâm, vườn rau bản địa và hồ tĩnh tâm, phản ánh mối quan hệ cộng sinh giữa con người với thiên nhiên trong đời sống vùng cao.

Hoàn thiện hồ sơ thiết kế kiến trúc, bao gồm tổng mặt bằng, mặt bằng các tầng, mặt đứng, mặt cắt, sơ đồ ý tưởng, giải pháp kỹ thuật và các phối cảnh minh họa, đáp ứng yêu cầu của một đồ án tốt nghiệp kiến trúc.

4.3 Các điểm mạnh và điểm hạn chế của đồ án

Điểm mạnh:

- Đồ án được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu tương đối đầy đủ về điều kiện tự nhiên, văn hóa và đời sống cộng đồng các dân tộc vùng cao A Lưới, từ đó đưa ra giải pháp thiết kế có cơ sở và phù hợp với bối cảnh địa phương.
- Ý tưởng thiết kế có tính xuyên suốt, được phát triển từ ba giá trị cốt lõi: **cộng sinh – bản địa – trú ẩn**, góp phần tạo nên bản sắc riêng cho công trình.
- Giải pháp tổ chức không gian theo hành trình cảm xúc, từ tiếp cận, hội tụ, trải nghiệm đến chiêm nghiệm, giúp công trình không chỉ đáp ứng công năng mà còn truyền tải được câu chuyện văn hóa của vùng đất A Lưới.
- Các yếu tố kiến trúc truyền thống như mái nhà Gươl, hoa văn dệt Zèng, vật liệu địa phương và quan niệm vạn vật hữu linh được chuyển hóa theo ngôn ngữ kiến trúc đương đại, tránh việc sao chép hình thức một cách máy móc.
- Giải pháp cảnh quan phân lớp góp phần tăng cường trải nghiệm của người sử dụng, đồng thời thể hiện mối quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên trong văn hóa vùng cao.

Điểm yếu:

Đồ án mới dừng lại ở mức độ nghiên cứu và đề xuất thiết kế kiến trúc, chưa có điều kiện kiểm chứng thông qua quá trình triển khai thực tế.

- Một số giải pháp kỹ thuật chuyên sâu như kết cấu, công nghệ thi công, hệ thống cơ điện và đánh giá hiệu quả vận hành chưa được nghiên cứu chi tiết.
- Việc tiếp cận tư liệu và khảo sát thực địa còn hạn chế về thời gian, do đó chưa thể phản ánh đầy đủ sự đa dạng văn hóa của tất cả các nhóm dân tộc trên địa bàn A Lưới.
- Một số nội dung liên quan đến khai thác du lịch, quản lý vận hành và mô hình hoạt động của trung tâm văn hóa cần được nghiên cứu sâu hơn để nâng cao tính khả thi.

4.4 Đề xuất và kiến nghị

- Cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao tính khả thi của đồ án khi triển khai trong thực tế.

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành công trình nhằm đảm bảo tính phù hợp với nhu cầu sử dụng cũng như gìn giữ tính xác thực của các giá trị văn hóa bản địa.
- Đẩy mạnh việc sưu tầm, số hóa và lưu trữ các tư liệu văn hóa phi vật thể của các dân tộc A Lưới để phục vụ hoạt động trưng bày, giáo dục và quảng bá lâu dài.
- Xem xét định hướng phát triển trung tâm văn hóa theo mô hình kết hợp giữa bảo tồn văn hóa, giáo dục cộng đồng và du lịch trải nghiệm, góp phần tạo sinh kế và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội địa phương một cách bền vững.
- Những nghiên cứu và giải pháp được đề xuất trong đồ án có thể được tham khảo, điều chỉnh và phát triển thêm để áp dụng cho các thiết chế văn hóa cộng đồng tại những khu vực miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện tương đồng.

5 TÀI LIỆU THAM KHẢO

Công trình tham khảo

- Trung tâm Văn hóa du lịch cộng đồng Tà Lang - Giàn Bí, Đà Nẵng.

- Trung tâm Văn hóa Jean-Marie Tjibaou (New Caledonia)

- Trung tâm Văn hóa Sapa (Lào Cai)

- Nhà cộng đồng Suối Rè – Hòa Bình/ 1+1>2

- Nhà cộng đồng Cẩm Thanh – Hội An/1+1>2

Sách và tài liệu lý luận:

- Kiến trúc nhà guol và phương pháp xây dựng bằng kích thước cơ thể của người Cơ tu- Nguyễn Ngọc Tùng, Hirohide Kobayashi , Võ Ngọc Đức –

- Kiến trúc nhà cộng đồng truyền thống dân tộc Cơ Tu trong bối cảnh đương đại – TCKTVN

- Suy nghĩ về tỉ lệ của mái Guơl- Nguyễn Thượng Hỷ

- Nghệt thuật GƯƠL của người Katu và việc bảo tồn, phát triển du lịch- TCKTVN

Đồ án tham khảo

- Trung tâm giao lưu văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên- Nguyễn Phương Anh- ĐH KT Hà Nội
- Không gian giao lưu văn hóa người Hà Nhì- Nguyễn Lan Phương- ĐH KT Hà Nội
- Trung tâm sinh hoạt văn hóa Sa Huỳnh- Nguyễn Quốc Cường- ĐH KT Hồ Chí Minh
- Trung tâm trưng bày và phát triển nghề truyền thống tỉnh Bình Định- Nguyễn Thanh Ngân- ĐH Văn Lang